

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THÚY HÀ

**LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ
SỞ THẨM TỬ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ NỘI, 2020

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THÚY HÀ

**LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ
SƠ THẨM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8 38 01 04

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

HÀ NỘI, 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Học viên

Nguyễn Thị Thúy Hà

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM	9
1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	9
1.2. Cơ sở pháp luật và nội dung hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	15
1.3. Các yếu tố tác động đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	27
Chương 2: THỰC TIỄN LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM THÀNH PHỐ HÀ NỘI	36
2.1. Các yếu tố tác động đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tại Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội... ..	36
2.2. Thực trạng luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tại thành phố Hà Nội	41
Chương 3: YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM	55
3.1. Yêu cầu tăng cường biện pháp bảo đảm hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	55
3.2. Giải pháp tăng cường triển khai các biện pháp bảo đảm hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	56
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo tinh thần các Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính Trị về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”. Nghị quyết khẳng định: “*Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả luận tội tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định*”. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đề ra phương châm: “*Nâng cao chất lượng luận tội tại các phiên tòa xét xử coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”.

Thực hành quyền công tố là một trong hai chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân (Viện Kiểm sát nhân dân) đã được hiến định. Hiến pháp năm 2013 ghi nhận “*Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp*” (Điều 107). Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, do Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; đồng thời, không để người bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam bị hạn chế quyền con người, quyền công dân.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam trong các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Kiểm sát viên thực hiện hai chức năng:

Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử vụ án hình sự. Hoạt động thực hành quyền công tố, trong đó có hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự bao gồm: Đối đáp với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, trình bày lời luận tội. Trong những năm gần đây hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự đã có nhiều chuyển biến tích cực, kỹ năng xây dựng bản luận tội của Kiểm sát viên ngày càng có nhiều tiến bộ tích cực. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, Kiểm sát viên tham gia với tư cách là người đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thay mặt Nhà nước để thực hành quyền công tố nhằm buộc tội bị cáo. Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự, Kiểm sát viên có các nhiệm vụ và quyền hạn như công bố cáo trạng, quyết định của Viện Kiểm sát nhân dân liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; tham gia xét hỏi, thực hiện việc luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thể hiện được bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình, giúp Hội đồng xét xử xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra tình trạng oan sai, không bỏ lọt tội phạm. Đồng thời, giúp cho những người tham gia phiên tòa hiểu rõ sự thật khách quan của vụ án, hiểu rõ đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Đảng và Nhà nước.

Mặc dù, trong thời gian qua, hoạt động luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng thực tiễn phiên tòa cho thấy vẫn còn nhiều trường hợp Kiểm sát viên kết tội bị cáo còn khiên cưỡng, giữ nguyên quan điểm truy tố, không tranh luận lại được hết quan điểm của bị cáo và luật sư bào chữa khiến bị cáo và luật sư không “tâm phục khẩu phục” với quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân

dân. Nguyên nhân sâu xa của bất cập trên một phần chính là do Kiểm sát viên đã chưa làm tròn hết vai trò của mình, chưa thực hiện tốt hoạt động luận tội tại phiên tòa nói chung và hoạt động luận tội tại phiên tòa nói riêng. Cụ thể phân luận tội của Kiểm sát viên chưa đủ sức thuyết phục, chưa lập luận được hết các vấn đề để làm căn cứ buộc tội bị cáo, còn nhiều “khe hở” để luật sư bào chữa “vin” vào làm lý do yêu cầu Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung gây ảnh hưởng đến vị thế và chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa.

Do đó, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ về lý luận hoạt động luận tội, đánh giá thực trạng thực hiện hoạt động luận tội của Kiểm sát viên hiện nay từ thực tiễn Viện Kiểm sát nhân dân tại thành phố Hà Nội nhằm tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng của hoạt động luận tội đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp là việc làm hết sức cần thiết. Vì vậy, với các lý do trên, tôi chọn đề tài *“Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm từ thực tiễn thành phố Hà Nội”* làm đề tài luận văn thạc sỹ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, trong đó phải kể đến các công trình như:

Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*, NXB Tư pháp, Hà Nội. Trong công trình nghiên cứu khoa học của mình, tác giả đã khái quát khái niệm, căn cứ pháp luật, địa vị pháp lý, thực trạng luận tội trong thời gian qua và kỹ năng xây dựng bản luận tội, kỹ năng trình bày lời luận tội của Kiểm sát viên. Đồng thời phân biệt, chỉ ra sự khác nhau giữa bản luận tội với các văn bản pháp lý khác (bản kết luận điều tra, cáo trạng).

Trần Văn Độ (2004), *Bản chất của luận tội tại phiên tòa*, Tạp chí Khoa học pháp luật số 04, Hà Nội. Tác giả khẳng định nội dung luận tội tại phiên tòa được thực hiện cả trong giai đoạn bắt đầu, trong xét hỏi và trong tranh

luận. Tùy theo địa vị tố tụng mà người tham gia tố tụng thực hiện nội dung tranh luận khác nhau. Ví dụ: nội dung của luận tội trong giai đoạn tranh luận tại phiên tòa bao gồm việc các bên tham gia tố tụng đề nghị áp dụng luật để bảo vệ quan điểm của mình trong giải quyết vụ án theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Cụ thể: trong phiên tòa hình sự, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân đề nghị áp dụng pháp luật hình sự để bảo vệ cáo trạng, bảo vệ việc buộc tội; người bào chữa đề nghị áp dụng pháp luật hình sự để gỡ tội, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo...

Nguyễn Đức Mai (2009), *Đặc điểm của mô hình luận tội và phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 23, Hà Nội. Tác giả khái quát về một số mô hình tố tụng trên thế giới, căn cứ vào các dấu hiệu chung nhất có thể phân thủ tục xét xử các vụ án hình sự ở các nước trên thế giới thành hai hệ tố tụng cơ bản: Tố tụng luận tội và tố tụng thẩm vấn (xét hỏi). Cả hai hệ tố tụng này đều có mục đích cơ bản là tìm ra sự thật và hoạt động theo nguyên tắc "kẻ có tội phải bị trừng phạt, người vô tội phải được tự do". Điểm khác biệt giữa chúng là ở sự giả định về cách thức tốt nhất để tìm ra sự thật.

Võ Thị Hồng Luyến (2011), *Một số vấn đề về hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm*, Tạp chí Kiểm sát số 1. Dựa trên việc phân tích mục đích, phạm vi, vai trò của hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm, tác giả đưa ra khái niệm về "hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm" là: Toàn bộ hoạt động luận tội của Kiểm sát viên khi khai mạc phiên tòa cho đến khi kết thúc phần tranh luận nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan, làm rõ tất cả các tình tiết của vụ án, bảo vệ quan điểm của Viện kiểm sát trong bản cáo trạng, thuyết phục Hội đồng xét xử ra các quyết định theo ý kiến đề nghị của mình giúp cho Hội đồng xét xử ra một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trần Duy Bình (2011), *Thực trạng và một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng luận tội tại phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát số 8. Trong bài viết của mình, tác giả Trần Duy Bình đã nêu lên thực trạng luận tội của Kiểm sát viên - chủ thể thực hiện chức năng buộc tội tại phiên tòa, trong đó tác giả có nhắc đến luận tội và đối đáp trong tranh luận của Kiểm sát viên chưa chặt chẽ và còn lúng túng trước các tình huống phát sinh tại phiên tòa; còn tình trạng đề xuất mức án chưa sát với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm. Ngoài ra, do trình độ, năng lực của một số Kiểm sát viên còn hạn chế; việc nghiên cứu hồ sơ, chứng cứ một số vụ án chưa kỹ, chưa toàn diện, còn có biểu hiện chủ quan, đơn giản trong nghiên cứu. Cá biệt có vụ án không nắm chắc, nghiên cứu không sâu, không bảo vệ được quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân; còn lúng túng khi xử lý các tình huống phát sinh hoặc những nội dung có sự thay đổi. Việc xét hỏi và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa hiện nay vẫn là khâu yếu ở cấp sơ thẩm (nhất là ở cấp huyện). Một số Kiểm sát viên còn thiếu kinh nghiệm nên khi dự kiến, chuẩn bị nội dung xét hỏi, tranh luận chưa sát, khi tranh luận thiếu sắc bén, tính thuyết phục không cao, có lúc còn bị động khi phát biểu quan điểm tại phiên tòa dẫn đến chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa bị hạn chế.

Nguyễn Văn Khoát (2012), *Hoạt động luận tội trong tố tụng hình sự Việt Nam*, luận văn thạc sĩ Luật học, thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, còn nhiều công trình của nhiều tác giả khác đã được đăng trên các báo và tạp chí chuyên ngành, các báo cáo tổng kết công tác, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, các chuyên đề của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao qua các năm, các đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ...

Tuy nhiên, có thể nhận thấy hầu hết các công trình nghiên cứu trên đều chủ yếu tập trung phân tích hoạt động luận tội trong đó có bao gồm hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự chứ không đi sâu phân tích

riêng về hoạt động luận tội, đặc biệt chưa có công trình nào nghiên cứu về hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện hoạt động này của Kiểm sát viên tại Viện Kiểm sát nhân dân nói chung và Kiểm sát viên tại thành phố Hà Nội nói riêng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện lý luận cơ bản, các quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về luận tội và thực trạng luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, luận văn đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố tại các phiên tòa hình sự sơ thẩm.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài gồm có:

Một là, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận, pháp lý về luận tội và hoạt động luận tội quy định trong pháp luật tố tụng hình sự hiện hành ở nước ta.

Hai là, phân tích thực trạng chất lượng luận tội của Kiểm sát viên tại Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội từ năm 2015 đến năm 2019, từ đó rút ra kết quả đã đạt được, những tồn tại hạn chế cần khắc phục và những nguyên nhân của những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế của thực trạng nghiên cứu.

Ba là, đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng luận tội, chất lượng luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các vấn đề lý luận, quy định của pháp luật và thực trạng thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về phạm vi nghiên cứu, Luận văn không nghiên cứu thực trạng luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân quân sự trên địa bàn thành phố Hà Nội mà chỉ nghiên cứu hoạt động này của Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tại thành phố Hà Nội trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2019.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn phân tích lý luận, thực tiễn và đề xuất giải pháp tăng cường hiệu quả của hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp tỉnh trên cơ sở phương pháp biện chứng của chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hoạt động của Kiểm sát viên trong tổ tụng hình sự.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê qua khảo sát thực tế, phương pháp phỏng vấn trực tiếp các Kiểm sát viên có nhiều năm công tác trong ngành,... để thu thập và đúc rút thành kinh nghiệm phục vụ cho việc hoàn thành luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu luận văn góp phần làm phong phú công tác nghiên cứu lý luận về hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cấp tỉnh.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận văn đã rút ra được cadồng thời tạo nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho quá trình nghiên cứu, giảng dạy, học tập của các cán bộ, giáo viên và sinh viên chuyên ngành Luật nói chung và các cán bộ, Chuyên viên đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung Luận được trình bày thành ba chương cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm;

Chương 2: Thực tiễn luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm thành phố Hà Nội;

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp tăng cường biện pháp bảo đảm hoạt động luận tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ LUẬN TỘI
CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM

1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.1.1. Khái niệm

Cho đến nay, luận tội trong tố tụng hình sự không còn là vấn đề mới. Song đây vẫn là vấn đề gây ra nhiều tranh cãi với nhiều cách hiểu và lý giải khác nhau. Trong đó, đa phần để làm sáng tỏ khái niệm này, các nhà nghiên cứu thường đề cập đến các vấn đề về mô hình tố tụng luận tội, nguyên tắc luận tội, quá trình luận tội... tức và giải thích luận tội dưới góc độ khác nhau.

Luận tội là thuật ngữ pháp lý được sử dụng trong lĩnh vực tố tụng hình sự ở trình tự xét xử sơ thẩm. Dưới những góc độ nghiên cứu khác nhau mà cách hiểu về “luận tội” cũng khác nhau. Theo nghĩa chung nhất, luận tội là “phân tích, cân nhắc để xét tội” [38, tr.596]. Theo nghĩa pháp lý đơn thuần, “luận tội là phân tích tội trạng, đề nghị kết tội bị cáo” [37, tr.189]. Theo giáo trình Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của Học viện Tư pháp: “Luận tội là một trong những hoạt động thực hành quyền công tố, là sự buộc tội chính thức của Viện Kiểm sát nhân dân đối với bị cáo, thể hiện quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân về vụ án, kết luận tội danh, hình phạt cũng như các biện pháp xử lý khác đối với bị cáo, đồng thời thông qua đó đề xuất áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm” [9, tr. 177]. Theo tài liệu tập huấn kỹ năng viết luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, luận tội là: “lời phát biểu của Kiểm sát viên với tư cách là đại diện cho Nhà nước buộc tội các bị cáo một cách công khai trước phiên tòa xét xử các bị cáo theo thủ tục sơ thẩm” [36].

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm hội tụ đầy đủ ba chức năng cơ bản của tố tụng hình sự là chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử. Các chức năng này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Mỗi chức năng tồn tại và vận động trong chừng mực tồn tại và vận động của chức năng kia, cạnh tranh quyết liệt nhằm thuyết phục Hội đồng xét xử chấp nhận các quan điểm của mình, phản bác quan điểm của bên kia, góp phần làm sáng tỏ sự thật vụ án. Tại phiên tòa, hoạt động luận tội được thực hiện ngay từ khi bắt đầu phiên tòa và kết thúc khi các bên tranh luận xong. Quá trình luận tội được xem là kết thúc khi bản án hay quyết định của Tòa án về vụ án đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm hay tái thẩm của các chủ thể có các quyền đó.

Trên cơ sở chủ trương của Đảng về nâng cao chất lượng luận tội của Kiểm sát viên trong xét xử hình sự, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định của Hiến pháp 2013, có thể hiểu:

Hoạt động luận tội tại phiên tòa hình sự là hoạt động của bên buộc tội và bên gỡ tội, dựa trên nguyên tắc bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, lập luận của mình để phản bác chứng cứ, lập luận của đối phương nhằm thuyết phục Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề xuất của mình, góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

Về bản chất luận tội là quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân về vụ án hình sự, kết luận về nội dung, tính chất của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, vai trò của bị cáo trong vụ án có đồng phạm, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nguyên nhân điều kiện phạm tội, trên cơ sở trình bày, phân tích các căn cứ kết tội, gỡ tội để đề xuất hướng xử lý.

Một vấn đề cần lưu ý là phải phân biệt giữa nội dung của luận tội với nội dung của cáo trạng. Cáo trạng là văn bản pháp lý, thể hiện quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân về vụ án hình sự trên cơ sở kết quả hoạt động điều tra

và ra quyết định truy tố bị can ra trước toà án để xét xử. Cáo trạng là văn bản pháp lý kết thúc giai đoạn điều tra và mở đầu một giai đoạn tố tụng mới, đó là giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.

Xét về mặt nội dung thì bản luận tội không những là căn cứ để bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác đưa ra ý kiến, quan điểm của mình về toàn bộ vụ án mà Viện Kiểm sát nhân dân đã truy tố trước Tòa án, là cơ sở để Tòa án xem xét, quyết định việc đưa ra phán quyết của mình đối với người phạm tội và toàn bộ vụ án theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định.

Như vậy, qua phân tích đánh giá các quan điểm về luận tội nêu trên, đồng thời phân tích các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, theo chúng tôi luận tội được hiểu là: *hoạt động nghiệp vụ do Kiểm sát viên thực hiện dựa trên những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự và những người tham gia tố tụng khác (nếu có) tại phiên tòa; từ đó Kiểm sát viên đại diện cho Viện Kiểm sát nhân dân trình bày quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung của bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng; kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.*

1.1.2. Đặc điểm

Hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử án hình sự sơ thẩm có một số đặc điểm sau đây:

Thứ nhất: Phải đảm bảo quyền bình đẳng giữa Kiểm sát viên với những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử phải tạo điều kiện cho những người tham gia tố tụng trình bày đầy đủ ý kiến của mình và Hội đồng xét xử

phải chú ý lắng nghe và tôn trọng lễ phải của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố qua lời trình bày luận tội, những căn cứ để luận tội những người tham gia tố tụng khác.

Thứ hai: Hội đồng xét xử phải bảo đảm luận tội giữa Kiểm sát viên với những người tham gia tố tụng khác, hoạt động tranh tụng nói chung và hoạt động luận tội nói riêng là trọng tâm của Hội đồng xét xử. Các bên tranh luận bình đẳng với nhau về quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ, yêu cầu; đưa ra các luận điểm, luận cứ và luận chứng của mình; bình đẳng trong đối đáp, tranh luận, chứng minh, bác bỏ quan điểm lẫn nhau và Kiểm sát viên cũng đưa ra những quan điểm, luận cứ của mình nhằm luận tội các trường hợp phạm tội. Do đó quyền bình đẳng giữa bên bào chữa và bên buộc tội được hiểu là bình đẳng trên phương diện tố tụng khi tham gia phiên tòa, đều được pháp luật quy định để thực hiện các chức năng của mình.

Thứ ba: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phải có phương pháp điều hành hợp lý, tạo điều kiện cho Kiểm sát viên thực hiện việc luận tội theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, được tranh tụng với các bên trong trình bày luận tội. Kiểm sát viên tham gia luận tội với tinh thần trách nhiệm, trên cơ sở chứng cứ khách quan và qui định của pháp luật; với tinh thần tôn trọng luật pháp, tôn trọng các bên liên quan, có văn hoá ứng xử đi sâu vào nội dung vụ án. Kiểm sát viên phải trả lời trực tiếp, không được né tránh nhằm đảm bảo tính minh bạch trong luận tội. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện, thực thi các qui định của pháp luật theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự để Kiểm sát viên luận tội.

Thứ tư: Bản án và quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả luận tội tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các luận điểm, luận cứ và luận chứng của Kiểm sát viên tham gia luận tội, của các bên liên quan tham gia tranh luận. Tại phiên tòa kết quả có thể khác với toàn bộ hoặc một số tình tiết

cụ thể trong kết luận điều tra, trong bản cáo trạng đã truy tố. Vì Hội đồng xét xử được coi là khâu quan trọng nhất trong toàn bộ quá trình tố tụng và là hoạt động đặc trưng cho toàn bộ hoạt động của Tòa án. Quá trình xét xử phiên tòa hình sự sơ thẩm được tổ chức và thực hiện một cách chặt chẽ theo một trình tự, thủ tục nghiêm ngặt. Phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa nằm trong nội dung tranh luận và thường thu hút sự chú ý đặc biệt của công chúng và quan tâm nhiều đến vấn đề các cơ quan và người tham gia, người tiến hành tố tụng thực hiện pháp luật như thế nào, để đảm bảo tính công khai của Bản án trong qua trình luận tội, tránh việc nghi ngờ, chê trách nêu bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị cấp phúc thẩm cải, sửa hoặc hủy án. Qua đó chứng tỏ luận tội của cấp có án bị hủy là thực hiện luận tội chưa được tốt theo yêu cầu đổi mới về cải cách tư pháp.

1.1.3. Ý nghĩa

Phiên tòa hình sự sơ thẩm có sự tham gia đầy đủ của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng với địa vị pháp lý được xác định. Thông qua phiên tòa, bằng thủ tục trực tiếp, công khai, qua nghe ý kiến và đề xuất của các bên tham gia tố tụng, tòa án (với tư cách là cơ quan tiến hành tố tụng quan trọng nhất) tiến hành xác định sự thật khách quan của vụ án và ra các phán quyết giải quyết vụ án một cách đúng đắn, đầy đủ, khách quan và đúng pháp luật [13]. Pháp luật tố tụng hình sự quy định cho Kiểm sát viên có quyền đưa ra chứng cứ buộc tội và người bào chữa đưa ra chứng cứ gỡ tội tranh luận với Kiểm sát viên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo tại phiên tòa.

Vậy có thể hiểu rằng, luận tội bao giờ cũng gắn liền với hoạt động tài phán của Tòa án. Đảm bảo tốt hoạt động luận tội và thông qua hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, sẽ tạo cơ sở cho Tòa án (Hội đồng xét xử) đánh giá kết quả của những hoạt động tố tụng trước đó, đồng thời giúp cho

việc xét xử được chính xác. Hoạt động luận tội tại phiên tòa còn có ý nghĩa đảm bảo việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thông qua luận tội, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm được làm sáng tỏ và cùng với kiến nghị, những bài học kinh nghiệm rút ra từ vụ án, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa có tác động rất lớn đến người phạm tội trong cải tạo giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Ngoài ra luận tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm còn có ý nghĩa tuyên truyền giáo dục pháp luật một cách sâu rộng đối với quần chúng nhân dân đến tham dự phiên tòa. Xét về mặt lý luận cũng như thực tiễn xét xử, luận tội tại phiên tòa là giai đoạn mà Kiểm sát viên tham gia luận tội tìm mọi cách để thuyết phục, thu hút sự đồng tình ủng hộ của quần chúng nhân dân đối với quan điểm, ý kiến, lập luận của mình đưa ra. Các ý kiến, lập luận đưa ra nhằm làm sáng tỏ nội dung vụ án, các quy định của pháp luật liên quan, qua đó mỗi người dân tham dự phiên tòa tự nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của mình. Thực tiễn đối với những vụ án xác định là án trọng điểm, phức tạp được Tòa án nhân dân xét xử lưu động tại các địa phương, có sự luận tội giữa các bên đã đạt được mục đích nhằm tuyên truyền và giáo dục ý thức pháp luật của đông đảo quần chúng nhân dân. Đây là một hình thức tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành pháp luật thiết thực và hiệu quả nhất trong đời sống xã hội hiện nay.

Vì vậy, để luận tội đạt được ý nghĩa pháp lý, chính trị - xã hội nêu trên thì trách nhiệm của người Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là rất lớn. Bởi phần luận tội được trình bày tại phiên tòa không chỉ vừa phải đảm bảo được tính có căn cứ và tính thuyết phục cao đối với Hội đồng xét xử, bị cáo, người tham gia tố tụng mà còn phải đảm bảo được tính có căn cứ và tính thuyết phục cao đối với cả những người tham dự phiên tòa. Mà đa số thành phần những người tham dự này là những người dân chưa hiểu sâu và nắm rõ về pháp luật.

1.2. Cơ sở pháp luật và nội dung hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.2.1. Cơ sở pháp luật hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.2.1.1. Quy định của Hiến pháp sửa đổi năm 2013

Theo quy định Điều 14 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”.

Xác định tầm quan trọng của hoạt động luận tội tại phiên tòa, Điều 103 khoản 5 của Hiến pháp 2013 và Điều 13 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định “Nguyên tắc tranh luận trong xét xử được bảo đảm”. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền tranh luận trong xét xử... Từ những quy định của Hiến pháp và pháp luật cho thấy, vấn đề luận tội nhằm bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được hết sức coi trọng. Đây là một trong những đổi mới lần đầu tiên Hiến pháp ghi nhận nguyên tắc bảo đảm luận tội trong xét xử.

Hoạt động tư pháp được Đảng và Nhà nước ta chú trọng ngay trong những năm đầu mới giành được chính quyền. Phát huy tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và xuất phát từ quan điểm của Đảng ta về chiến lược cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của

Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Các Nghị quyết của Quốc Hội: Nghị quyết số 37/NQ-QH13 ngày 23/11/2012, Nghị quyết số 63/NQ-QH13, ngày 27/11/2013, Nghị quyết số 111/NQ-QH13, ngày 27/11/2015, Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành cũng có nhiều quy định chứa đựng nội dung của nguyên tắc tranh luận như quy định nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Các quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, các quy định về tranh luận tại phiên tòa. Cụ thể: Khoản 2 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “việc nghị án chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác”.

Mặc dù vậy, các quy định trên còn thiếu tính cụ thể, nhất là chưa có văn bản pháp lý nào chính thức ghi nhận nguyên tắc bảo đảm và cơ chế bảo đảm luận tội nên thực tiễn hoạt động chưa phát huy hiệu quả. Do vậy, việc Hiến pháp quy định cụ thể, rõ ràng nguyên tắc bảo đảm luận tội trong xét xử là một bước tiến lớn và rất phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước ta.

Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định Viện Kiểm sát nhân dân là cơ quan “thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp” của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Viện Kiểm sát nhân dân “thực hành quyền công tố” ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Viện Kiểm sát nhân dân “thực hành quyền công tố” qua các hoạt động: “Công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa. Xét hỏi, luận tội, tranh luận,...” [33, Đ.18] tại phiên tòa.

Theo đó, “luận tội” là một trong những hoạt động chính của Viện Kiểm sát nhân dân nói chung và Kiểm sát viên nói riêng khi thực hành quyền công tố tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, hay nói theo cách khác khi Kiểm sát viên thực hiện hoạt động luận tội của mình thì cũng chính là đang thực hiện chức năng “công tố” - chức năng Hiến định của Viện Kiểm sát nhân dân.

1.2.1.2 Những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Để thực hiện luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hiện luận tội tiếp tục được Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định những quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định.

Đối với các chủ thể của chức năng buộc tội tại phiên tòa như Viện Kiểm sát nhân dân (Kiểm sát viên), người bị hại, nguyên đơn dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự cũng quy định những quyền, nghĩa vụ pháp lý cụ thể. Theo Điều 20 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định: Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng tội, đúng pháp luật. Giải thích và bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự 2003, nay Điều 71 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; việc thu thập, xem xét và đánh giá chứng cứ quy định các Điều 65 và 66 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 (nay Điều 88 và Điều 108 Bộ luật tố tụng hình sự 2015) mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án.

Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 quy định hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa: “đọc cáo trạng, quyết định của Viện Kiểm sát nhân dân liên quan đến việc giải quyết vụ án, hỏi, đưa ra chứng cứ và thực hiện việc luận

tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa”. Nay Điều 42 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên tại phiên tòa công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, các quyết định khác của Viện Kiểm sát nhân dân về việc buộc tội đối với bị cáo, xét hỏi, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp. Song hành với quyền công tố, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa còn có quyền “kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử của Tòa án và những người tham gia tố tụng; kiểm sát bản án, quyết định và các văn bản tố tụng khác của Tòa án”.

Ngoài ra, người bị hại, nguyên đơn dân sự tham gia tố tụng thực hiện chức năng buộc tội ở một mức độ nhất định. Để các chủ thể này có thể thực hiện chức năng của mình trong tố tụng hình sự năm 2015 quy định rõ hơn nghĩa vụ và trách nhiệm của người bị hại trong việc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tố tụng trong việc phát hiện, xử lý tội phạm. Điều 62, Điều 63 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định như: Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan, đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người định giá, người dịch thuật; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và một số quyền khác...

Trong tố tụng hình sự, hoạt động luận tội được thể hiện rõ nét trong phiên tòa sơ thẩm. Phần lớn các quan điểm khoa học hiện nay đều xác định hoạt động luận tội được bắt đầu ngay từ phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Tại phần thủ tục sau khi kiểm tra căn cước của bị cáo, công bố thành phần những người tham gia tố tụng, giải thích quyền nghĩa vụ của bị cáo, theo quy định tại Điều 305 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì “Chủ tọa phiên tòa phải hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa xem có ai yêu

cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét hay không. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt hoặc tuy có mặt tại phiên tòa nhưng vì lý do sức khỏe không thể tham gia tố tụng thì chủ tọa phiên tòa phải hỏi xem có ai yêu cầu hoãn phiên tòa hay không; Nếu có người yêu cầu thì Hội đồng xét xử xem xét, quyết định”.

Thủ tục xét hỏi được quy định tại Chương XX của Bộ luật tố tụng hình sự 2003 gồm 11 Điều. Nay thủ tục luận tội tại phiên tòa được quy định tại mục V Bộ luật tố tụng hình sự 2015 gồm 20 Điều. Khoản 2 Điều 307 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định: “Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự thực hiện việc hỏi. Người tham gia phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Người giám định, người định giá tài sản được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định, định giá tài sản”.

Thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm được Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định từ Điều 306 đến Điều 325. Đây là giai đoạn trung tâm của quá trình luận tội. Bởi vì, trong phần này các bên buộc tội và gỡ tội, trước sự chứng kiến của Hội đồng xét xử, công khai thực hiện chức năng của mình bằng việc đưa ra các lý lẽ và lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.

Sau khi Kiểm sát viên trình bày lời luận tội theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định: “Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa”. Như vậy, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên sẽ trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo vô tội. Để luận tội của mình

bảo đảm đúng đắn, chính xác và có sức thuyết phục, Kiểm sát viên phải tổng hợp, phân tích, đánh giá một cách logic các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại tòa, xác định bốn yếu tố của cấu thành tội phạm, xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của vụ án cũng như tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để việc đề xuất mức án cho tội danh của bị cáo được chính xác.

Theo PGS.TS. Nguyễn Thái Phúc, chức năng buộc tội là chức năng có vai trò rất quan trọng, quyết định sự tồn tại của chức năng bào chữa và chức năng xét xử. Chức năng buộc tội nhất là trong hình thức buộc tội nhân danh Nhà nước, có vai trò động lực của tố tụng hình sự. Nó được coi là trực chính thu hút hoạt động của tất cả những người tham gia phiên tòa. Như chúng ta đã biết xuất phát từ nguyên tắc công tố nên vụ án hình sự được bắt đầu bằng việc khởi tố vụ án của cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là từ khi có quyết định buộc tội (quyết định khởi tố bị can). Kể từ thời điểm này đánh dấu sự tham gia tố tụng của các chủ thể và họ đều bị chi phối bởi quyết định buộc tội. Đồng thời mục đích tham gia tố tụng của các chủ thể cũng bắt đầu từ sự buộc tội, từ chức năng buộc tội.

Ở giai đoạn xét xử chức năng buộc tội được thực hiện thông qua hoạt động thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát nhân dân, cụ thể là hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên cần phân biệt khái niệm buộc tội và khái niệm công tố là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Công tố là một trong những hình thức khác nhau của chức năng buộc tội, là hình thức chủ đạo diễn ra trong điều kiện đặc thù là tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm và do Kiểm sát viên - người duy nhất được quyền đại diện cho Nhà nước thực hiện. Còn chức năng buộc tội đã thực sự xuất hiện từ giai đoạn điều tra (từ khi khởi tố bị can) hoặc thậm chí sớm hơn, cụ thể chức năng buộc tội đã xuất hiện từ thời điểm người bị tình nghi bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ.

1.2.2. Nội dung hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Căn cứ pháp lý để Kiểm sát viên thực hiện việc luận tội được quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014, các điều 42, 266, 320, 321 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trước đây, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định chủ thể thực hiện việc luận tội là Kiểm sát viên (điểm đ khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003), nhưng không quy định cụ thể về nội dung luận tội. việc xây dựng luận tội trong thời gian qua căn cứ vào hướng dẫn tại Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-Viện Kiểm sát nhân dân TC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (Quy chế 960). Ngày nay, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được bổ sung 01 điều luật (Điều 321) quy định cụ thể, đầy đủ nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Theo đó:

(1) Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa (Khoản 1). Quy định như trên nhằm bảo đảm tính khách quan, tính có căn cứ và chính xác trong việc thực hiện luận tội của Kiểm sát viên. Đây không phải là nội dung mới vì đã được quy định tại Điều 217 (Trình tự phát biểu khi tranh luận) của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chỉ thay đổi vị trí, đưa nội dung này vào Điều 321 (Luận tội của Kiểm sát viên) thay vì đưa vào Điều 320 (Trình tự phát biểu khi tranh luận) để đảm bảo sự phù hợp về nội dung.

Để thực hiện yêu cầu này, Kiểm sát viên khi tham gia phiên tòa cần lưu ý:

- Vì yêu cầu luận tội phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa nên Kiểm sát viên cần tập trung chú ý theo dõi

việc xét hỏi của Hội đồng xét xử và tiến hành hỏi thêm về những tình tiết chưa được làm rõ, còn có mâu thuẫn, đảm bảo tất cả các chứng cứ, tài liệu, đồ vật phải được kiểm tra tại phiên tòa, quyết không được bỏ sót bất kỳ chứng cứ, tài liệu, đồ vật nào. Kiểm sát viên còn phải chú ý lắng nghe, ghi chép đầy đủ, xem xét cẩn thận ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, để rồi kết luận chấp nhận hay không chấp nhận ý kiến của họ.

- Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra và ý kiến của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên tiến hành sửa chữa, bổ sung dự thảo luận tội cho chính xác, đầy đủ trước khi trình bày luận tội. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không có quy định về thời gian để Kiểm sát viên xem xét, quyết định bổ sung, sửa chữa lại dự thảo luận tội trước khi trình bày. Điều này gây khó khăn cho Kiểm sát viên trong các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự phức tạp, nhiều tình tiết mới cần thời gian để xem xét cho rõ. Vì vậy, Kiểm sát viên cần nhanh nhạy, vừa lắng nghe việc xét hỏi, vừa ghi chép, đánh giá lời khai của bị cáo và ý kiến của những người tham gia tố tụng để kịp thời bổ sung, sửa chữa dự thảo luận tội.

(2) Nội dung luận tội phải phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án (Khoản 2).

Về phân tích, đánh giá chứng cứ: Phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ chứng cứ xác định bị cáo có tội như: biên bản khám nghiệm,

biên bản kiểm tra, thu giữ vật chứng, kết luận giám định pháp y, sổ sách, chứng từ, lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng... Kiểm sát viên phải cập nhật diễn biến tại phiên tòa để đưa ra lập luận bác bỏ hoặc chấp nhận lời trình bày của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đồng thời viện dẫn chứng cứ chứng minh quan điểm của mình. Đối với những vấn đề, tình tiết mới phát hiện tại phiên tòa có thể làm thay đổi cơ bản nội dung, tính chất của vụ án nếu chưa được thẩm tra đầy đủ, chưa có đủ căn cứ thì không được kết luận mà phải đề nghị hoãn phiên tòa để điều tra xác minh... Luận tội phải phân tích, đánh giá chung tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; động cơ, mục đích, thủ đoạn phạm tội; mức độ hậu quả tác hại do tội phạm gây ra đối với người bị hại và an ninh, chính trị, kinh tế, trật tự an toàn xã hội. Khi phân tích, đánh giá các nội dung trên, cần đúng mức, không phóng đại. Đánh giá vấn đề gì, cần phải có chứng cứ chứng minh chính xác, đầy đủ. Luận tội còn phải phân tích, đánh giá các nội dung khác: nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nguyên nhân, điều kiện phạm tội...

Về cơ bản cấu trúc của hoạt động luận tội thể hiện qua 03 phần:

Phần mở đầu của luận tội

Thứ nhất, Kiểm sát viên mở đầu luận tội bằng câu: “Thưa Hội đồng xét xử” và tự giới thiệu về mình là đại diện Viện Kiểm sát nhân dân. Kiểm sát viên sẽ nêu họ tên, chức vụ, Viện Kiểm sát nhân dân nơi đang công tác và tên vụ án được đưa ra xét xử. Họ tên của Kiểm sát viên là tên thường dùng, không được nêu bí danh hoặc tên gọi tắt.

Thứ hai, Kiểm sát viên nêu ngắn gọn, tóm tắt mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và tầm quan trọng của việc đưa vụ án ra xét xử; giới thiệu tóm tắt tội danh của vụ án, các bị cáo được đưa ra xét xử. Theo hướng dẫn của mẫu số 136

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, phần này Kiểm sát viên chỉ cần giới thiệu tóm tắt tội danh, các bị cáo được đưa ra xét xử, không cần nêu nội dung vụ án. Do đó, dựa trên tình hình địa phương nơi xảy ra vụ án, hậu quả nghiêm trọng của vụ án, thủ đoạn tinh vi mà đối tượng phạm tội đã sử dụng,... nêu ngắn gọn, tránh dài dòng mục đích, ý nghĩa của việc đưa vụ án ra xét xử.

Phần nội dung của luận tội

Đây là phần quan trọng nhất của bản luận tội. Nếu Kiểm sát viên giải quyết tốt phần này thì bản luận tội sẽ có tính thuyết phục cao, tạo được sự ủng hộ của nhiều người tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, nếu Kiểm sát viên chuẩn bị không tốt, bản luận tội không dựa trên những chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra, thẩm vấn công khai tại phiên tòa cũng như không phù hợp với diễn biến phiên tòa thì sẽ vấp phải sự phản bác của những người tham dự, không thuyết phục được Hội đồng xét xử, thậm chí còn làm giảm uy tín của Viện Kiểm sát nhân dân. Do đó, khi tham gia phiên tòa Kiểm sát viên cần đặc biệt quan tâm, chú ý đầu tư công sức, trí tuệ và thời gian vào việc chuẩn bị tốt nội dung của bản luận tội. Bởi đây là phần dài nhất và trong phần này Kiểm sát viên sẽ phải giải quyết một loạt các vấn đề nhằm làm sáng tỏ các chứng cứ chứng minh tội phạm, tác hại của hành vi phạm tội, từ đó rút ra những bài học phòng ngừa chung.

Phần kết luận của luận tội

Tại phần kết luận, Kiểm sát viên sẽ nhấn mạnh lại một số vấn đề mà Hội đồng xét xử cần lưu tâm trước khi nghị án như: yêu cầu, mục đích, tầm quan trọng của việc xét xử vụ án, những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa làm thay đổi quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân (nếu có)... để qua đó giúp Hội đồng xét xử đưa ra một bản án nghiêm minh đúng người, đúng tội, có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và đảm bảo yêu cầu phòng ngừa chung. Ngoài ra, đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc vụ án xét xử lưu động, sau khi xây dựng xong dự thảo luận tội, Kiểm sát viên cần chuyển dự thảo luận tội cho lãnh

đạo Phòng hoặc lãnh đạo Viện duyệt và góp ý để có một bản dự thảo luận tội đầy đủ, toàn diện hơn trước khi tham dự phiên tòa.

(3) Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng (Khoản 3). Trên cơ sở phân tích, đánh giá toàn bộ chứng cứ của vụ án, Kiểm sát viên khẳng định nội dung truy tố của Cáo trạng là đúng hoặc cần phải thay đổi, bổ sung, rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa; kết luận và đề nghị xử lý về trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự trong vụ án.

(4) Kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật (Khoản 4). Luận tội phải chỉ rõ ra, phân tích kỹ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm và vi phạm pháp luật, rồi kiến nghị các biện pháp cụ thể nhằm góp phần vào công tác phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và vi phạm pháp luật.

1.2.3. Trình bày luận tội tại phiên tòa

Kỹ năng trình bày luận tội là thao tác nghiệp vụ để thể hiện ngôn ngữ nói sao cho mạch lạc, trôi chảy, hùng hồn, sinh động, trang nhã, chuẩn xác, súc tích, đúng ngữ điệu, âm điệu theo phương pháp quy nạp kết hợp diễn giải, phân tích, so sánh, tổng hợp theo đúng tư duy lôgic, tránh lập luận ngụy biện, sử dụng từ ngữ đao to, búa lớn hoặc từ đa nghĩa, tối nghĩa...[62] Kiểm sát viên khi trình bày luận tội cần ăn nói lưu loát, chuẩn xác tiếng Việt và đúng ngữ điệu, âm điệu có chú ý cao độ lên xuống và nhấn mạnh đúng nhịp điệu, không được nháy giọng, pha tiếng. Nếu không, sẽ gây bức tức cho bị cáo, làm mất tính uy nghiêm nơi pháp đình và không tạo ra sức thuyết phục.

Những vấn đề cần lưu ý khi Kiểm sát viên trình bày luận tội:

Thứ nhất, về công tác chuẩn bị: trước khi ra phiên tòa, Kiểm sát viên phải xây dựng dự thảo luận tội và dự trù trước một số tình huống sẽ được bổ

sung bằng chứng cứ được kiểm tra công khai tại phiên tòa trong giai đoạn xét hỏi để từ đó gắn kết nội dung xét hỏi với nội dung dự thảo luận tội. Tiếp theo, Kiểm sát viên cần luyện tập cách trình bày luận tội ở nhà để có thể kết hợp nhuần nhuyễn giữa lập luận theo tư duy logic với âm điệu ngôn ngữ do chính mình phát ra.

Thứ hai, tại phiên tòa: Kiểm sát viên phải trình bày nội dung luận tội một cách liên mạch, liên tục, có sự viện dẫn, sử dụng các chứng cứ chứng minh cho các luận điểm, luận chứng của mình và cố gắng thoát ly dự thảo luận tội để tạo sự sinh động, truyền cảm, thu hút cho người nghe; tránh lối lập luận lạm dụng chữ nghĩa, mệnh đề rời rạc, quy nạp sai - phi logic, lý lẽ quanh co, mơ hồ, lấy cái không bản chất, không quan trọng làm cái bản chất, quan trọng... và quan trọng nhất là Kiểm sát viên không được sử dụng ngôn ngữ hình thể. Bên cạnh đó, dung lượng buộc tội khi trình bày luận tội của Kiểm sát viên cũng không được vượt quá phạm vi chế tài hình phạt dự kiến được đề xuất cho Hội đồng xét xử lưu ý áp dụng.

Thứ ba, sau khi trình bày xong lời luận tội, Kiểm sát viên phải lắng nghe ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác để bổ sung và sửa chữa bản dự thảo luận tội làm căn cứ, cơ sở cho việc tranh luận, đối đáp diễn ra tiếp theo. Mọi phản ứng ngắt lời của họ sẽ tạo không khí gay gắt, gây phản ứng không tốt, làm mất uy tín của Kiểm sát viên. Đồng thời Kiểm sát viên phải biết tích lũy kinh nghiệm qua việc xây dựng và trình bày bản luận tội đối với từng vụ án nhất là ở các phiên tòa rút kinh nghiệm, đặc biệt là những phiên tòa xét xử các vụ án lớn, phức tạp, dư luận quan tâm hoặc các phiên tòa xét xử lưu động và phải thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm việc luận tội đối với số án đã xét xử và thường xuyên trau dồi kỹ năng này.

Cuối cùng, sau khi vụ án được xét xử xong, Kiểm sát viên phải hoàn chỉnh dự thảo luận tội, ký tên Kiểm sát viên và lưu vào hồ sơ kiểm sát án hình

sự. Đây là căn cứ, cơ sở để xác định trách nhiệm của Kiểm sát viên trong việc buộc tội, gỡ tội, áp dụng tình tiết không đúng từ đó đề xuất mức hình phạt không phù hợp.

1.3. Các yếu tố tác động đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.3.1. Sự hoàn thiện của hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan

Khi thực hành quyền công tố nói chung và hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng, Kiểm sát viên phải áp dụng các quy định của Hiến pháp, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự và các ngành luật khác có liên quan như dân sự, tài chính, ngân hàng, đất đai, hành chính... nhằm đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Do vậy, các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự của Viện Kiểm sát nhân dân là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên. Khi các quy định của pháp luật về hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đầy đủ, phù hợp, thống nhất, cụ thể, rõ ràng thì việc hiểu, thực hiện, áp dụng các quy định của pháp luật để hoạt động luận tội của Kiểm sát viên sẽ thống nhất, chính xác. Ngược lại, nếu các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm không đầy đủ, cụ thể hoặc mâu thuẫn, chông chéo... sẽ tất yếu gây khó khăn cho hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động này. Nói cách khác, chất lượng của hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự phụ thuộc vào sự hoàn thiện của hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan. Mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật nói chung, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng dựa

trên nhiều tiêu chuẩn khác nhau, nhưng tựu chung có thể tập trung ở 4 tiêu chuẩn cơ bản là: tính toàn diện, tính đồng bộ, tính phù hợp và kỹ thuật xây dựng văn bản.

Tính toàn diện của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự đòi hỏi mọi hoạt động tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự, nhất là hoạt động tố tụng của Kiểm sát viên đều phải được điều chỉnh bằng pháp luật, không có hoạt động tố tụng nào nằm ngoài sự điều chỉnh của pháp luật sẽ rất dễ đến tùy tiện, không hoặc khó kiểm soát. Sự toàn diện của hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự không những thể hiện ở sự đầy đủ của các nhóm văn bản trên mà còn thể hiện ở sự đầy đủ của từng văn bản, thậm chí là từng quy định của pháp luật.

Tính đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự đòi hỏi hệ thống các văn bản pháp luật này thống nhất, không mâu thuẫn, chòng chẹo lẫn nhau. Sự đồng bộ này được thể hiện ở sự đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản pháp luật liên quan và sự đồng bộ, thống nhất ở ngay trong từng văn bản pháp luật, từng quy định của pháp luật, tạo nên sự logic, nhất quán trong việc điều chỉnh các hoạt động tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự nói chung, hoạt động luận tội của Kiểm sát viên nói riêng.

Tính phù hợp của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự đòi hỏi hệ thống các văn bản pháp luật này phù hợp với trình độ phát triển của xã hội mà cụ thể ở đây là điều kiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tố tụng (liên quan đến hoạt động chứng minh tại phiên tòa), ý thức pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa, trình độ quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan... Đây là một đòi hỏi quan trọng đối với

hệ thống pháp luật nói chung, hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng, bởi vì, hệ thống này dù có toàn diện, đầy đủ, thống nhất, không mâu thuẫn, chông chéo nhưng lại không phù hợp thì cũng chỉ là duy ý chí, không thể thực hiện và không thể điều chỉnh được quan hệ xã hội.

Sự hoàn thiện của tất cả những văn bản pháp luật có liên quan đều ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các văn bản đó không giống nhau mà phụ thuộc vào tính chất, mức độ, tần suất... áp dụng của văn bản đó trong quá trình hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự.

Tóm lại, chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự phụ thuộc rất lớn vào sự hoàn thiện của các văn bản pháp luật điều chỉnh quan hệ của Kiểm sát viên trong quá trình hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự. Vì vậy, để nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, một trong những công việc quan trọng là phải hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh các hoạt động này, bảo đảm cho hệ thống các văn bản này đầy đủ, thống nhất, cụ thể, rõ ràng.

1.3.2. Năng lực, trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm của kiểm sát viên tham gia luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Thực tiễn đã khẳng định, cán bộ có vai trò cực kỳ quan trọng, nhiều khi là quyết định đến thành công hoặc thất bại của công việc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Cán bộ là cái gốc của mọi công việc; công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã khẳng định: Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và của chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng.

Trong hoạt động tư pháp, cán bộ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh pháp lý, do đặc thù của hoạt động này đòi hỏi tính độc lập cao, càng đóng vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động này. Tương tự như vậy, Kiểm sát viên hay đóng vai trò quyết định đến chất lượng hoạt động luận tội nói chung và tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm nói riêng. Theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm án hình sự, Kiểm sát viên tham gia với tư cách là người thay mặt Nhà nước để tiến hành truy tố người phạm tội ra tòa và buộc tội bị cáo. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên trong hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự được pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể. Như vậy, hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm là rất nặng nề. Vụ án có được xét xử chính xác, dân chủ, khách quan hay không, có đúng người, đúng tội hay không, có bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội hay không, có được quần chúng nhân dân đồng tình hay không, phụ thuộc rất nhiều vào năng lực, trình độ của Kiểm sát viên. Thực tế cho thấy, khá nhiều vụ án oan, sai hoặc có thiếu sót trong hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự trong thời gian qua có nguyên nhân từ sự yếu kém về năng lực, trình độ chuyên môn của Kiểm sát viên trong hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự được thể hiện thông qua các thao tác nghiệp vụ như nghiên cứu hồ sơ vụ án, xây dựng cáo trạng, dự thảo đề cương luận tội, đề cương xét hỏi... Khi Kiểm sát viên nghiên cứu ký hồ sơ vụ án, chuẩn bị tốt các chứng cứ tài liệu phục vụ cho việc tranh luận, đối đáp; có năng lực xử lý các tình huống tại phiên tòa, với tinh thần công tâm, thận trọng và kiên quyết thì hoạt động luận tội tại phiên tòa được thực hiện tốt, đảm bảo theo yêu cầu, không có tinh thần đấu tranh phòng chống tội phạm, thiên vị, đố kỵ... thì cũng rất dễ dẫn đến sai lầm hoặc thiếu sót trong công việc. Thực tế cho thấy, không ít vụ án có sai lầm, thiếu sót hoặc yếu kém trong hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự xuất phát từ phẩm chất đạo đức, tinh thần

trách nhiệm của Kiểm sát viên. Trong điều kiện kinh tế thị trường và xu thế toàn cầu hóa hiện nay, có không ít những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ Kiểm sát viên nói chung và Kiểm sát viên làm hoạt động luận tội trong xét xử án hình sự nói riêng. Những yếu tố tiêu cực đó đã luôn luôn tác động đến tinh thần, ý chí của Kiểm sát viên trong khi thực hiện nhiệm vụ. Khi Kiểm sát viên có lòng yêu nghề, say mê, hứng thú với công việc của mình thì khi thực hiện công việc sẽ toàn tâm, toàn ý, có sáng tạo.

Do vậy, người cán bộ kiểm sát nói chung và Kiểm sát viên tham gia hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm nói riêng phải luôn trau dồi phẩm chất chính trị, giữ vững lập trường quan điểm, không vi phạm kỷ luật nghiệp vụ, không làm những việc trái pháp luật khi làm nhiệm vụ. Thực hiện tốt cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư và công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy đối với người cán bộ kiểm sát. Ngoài ra, lòng yêu nghề của Kiểm sát viên cũng là yếu tố không nhỏ ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng của hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

1.3.3. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành

Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành là toàn bộ hoạt động của người cán bộ quản lý nhằm bảo đảm cho hoạt động của những người dưới quyền (người bị quản lý) đi theo một định hướng nhất định, đạt được mục tiêu nhất định. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành có ý nghĩa, vai trò hết sức quan trọng đối với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Nó nhiều khi chi phối đến các yếu tố khác và quyết định đến chất lượng hoạt động của cơ quan đó. Đối với ngành Kiểm sát nhân dân - một ngành hoạt động đặc thù với nguyên tắc thủ trưởng chế, mọi hoạt động đều phải tuân theo pháp luật và tuân theo sự chỉ đạo của Viện trưởng cấp mình và của cấp trên nên hoạt động quản lý, chỉ đạo,

điều hành lại càng có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng hoạt động luận tội, kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự bao gồm: Quản lý số lượng án thụ lý giải quyết theo những mốc thời gian nhất định (tuần, tháng, quý...). Cần đặc biệt chú ý đến những vụ án mà bị cáo kêu oan, chối tội, những vụ án mà dư luận quan tâm, những bị cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không phạm tội, những trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân kháng nghị... Quản lý kết quả xét xử, trong đó chú ý những vụ án, bị cáo mà Tòa án tuyên không phạm tội, tuyên khác với tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt... mà Viện Kiểm sát nhân dân đã truy tố, luận tội để có hướng xử lý tiếp theo. Quản lý chất lượng hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự của từng Kiểm sát viên, từng đơn vị. Chỉ đạo đường lối giải quyết đối với từng vụ án (cho ý kiến về điều, khoản áp dụng đối với từng bị cáo, loại hình phạt, mức hình phạt áp dụng, các trường hợp đình chỉ vụ án, hủy án sơ thẩm, thay đổi tội danh, thay đổi loại hình phạt, mức hình phạt... so với cấp sơ thẩm...), đặc biệt chú ý đối với những vụ án bị kêu oan, những vụ án mà Tòa án có thể tuyên bị cáo không phạm tội, những vụ án tham, những vụ án liên quan đến tôn giáo, những vụ án mà dư luận xã hội quan tâm... Tổng kết, rút kinh nghiệm về hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự trong phạm vi địa bàn phụ trách. Nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan hữu quan (Tòa án, cảnh sát dẫn giải bị cáo là phạm nhân, bị cáo bị tạm giam, chính quyền địa phương nơi mở phiên tòa lưu động...) trong việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự... Hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong ngành Kiểm sát nhân dân nói chung và hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng được phân cấp cho lãnh đạo Viện (Viện trưởng, các Phó Viện trưởng), Trưởng, Phó phòng... thực hiện. Mỗi

chức danh có một nhiệm vụ, thẩm quyền riêng nhưng tất cả phải tuân theo sự quản lý, chỉ đạo, điều hành thống nhất của Viện trưởng.

1.3.4. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Cơ sở vật chất của Viện Kiểm sát nhân dân, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ Kiểm sát viên... có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động luận tội nói chung và chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm nói riêng. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của Kiểm sát viên bao gồm trụ sở làm việc, các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho việc phát hiện, cập nhật, lưu giữ các thông tin tội phạm, các thông tin phục vụ cho công tác nghiệp vụ, các phương tiện để quản lý hồ sơ án hình sự và các hoạt động nghiệp vụ khác, các phương tiện đi lại, phương tiện thông tin... Hiện nay, trong điều kiện khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, bọn tội phạm đã biết khai thác những thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ cho mục đích phạm tội. Những tội phạm liên quan đến khoa học, kỹ thuật, công nghệ như trộm cắp cước viễn thông, lừa đảo qua mạng, trộm cắp qua thẻ ATM, tội phạm liên quan đến tin học... có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, nếu không được trang bị phương tiện kỹ thuật, phương tiện thông tin, điều kiện làm việc... đầy đủ, hiện đại thì rất khó để các cơ quan tư pháp nói chung, Viện Kiểm sát nhân dân nói riêng, hoàn thành nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm. Đối với hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự cũng vậy. Nếu có cơ sở vật chất và điều kiện làm việc tốt, đầy đủ, hiện đại... thì sẽ tạo điều kiện để Kiểm sát viên hoàn thành tốt nhiệm vụ luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm. Ngược lại, nếu cơ sở vật chất, điều kiện làm việc thiếu thốn, lạc hậu... sẽ gây khó khăn cho hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng và hoạt động tư pháp của Kiểm sát viên nói chung. Ngoài cơ sở vật chất và điều kiện làm việc chung,

Kiểm sát viên làm nhiệm vụ luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự còn cần thiết được trang bị kỹ thuật đặc thù như phương tiện (máy tính) để tra cứu cơ sở dữ liệu luật, các phương tiện cần thiết để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, phương tiện đi lại, thông tin... phục vụ cho hoạt động tại phiên tòa hình sự, nhất là những vụ án xử lưu động...

Ngoài cơ sở vật chất và điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng và hoạt động luận tội và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung. Chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên và cán bộ kiểm sát bao gồm chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp (phụ cấp nghề nghiệp, phụ cấp thâm niên...), chế độ trang phục, chế độ khám, chữa bệnh, chế độ nghỉ ngơi, nghỉ dưỡng, chế độ khen thưởng... Nếu các chế độ này được bảo đảm thì Kiểm sát viên sẽ không phải lo đời sống của bản thân và gia đình, toàn tâm, toàn ý vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và như vậy sẽ góp phần quan trọng nâng cao chất lượng hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự. Chế độ đãi ngộ tốt còn tạo điều kiện lôi kéo những người giỏi ngoài ngành vào phục vụ cho ngành Kiểm sát nhân dân. Do vậy, để hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự của Viện Kiểm sát nhân dân được đảm bảo theo yêu cầu theo tinh thần cải cách tư pháp hiện nay cần phải quan tâm đến việc bảo đảm cơ sở vật chất cho ngành Kiểm sát nhân dân, quan tâm đến chế độ chính sách đối với đội ngũ Kiểm sát viên làm công tác hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự.

Tiểu kết chương 1

Như vậy, các vấn đề lý luận cơ bản về luận tội trong tố tụng hình sự như đặc điểm, khái niệm luận tội đã được phân tích, làm rõ. Qua đó giúp ta hiểu rõ hơn, sâu sắc hơn về luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Điều đó không chỉ có nghĩa về mặt lý luận, giúp nhận thức thống nhất về luận tội của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng khác, luận tội tại phiên tòa hình sự vừa là quyền và nghĩa vụ của mỗi Kiểm sát viên. Việc phân tích một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa quy định mang tính nguyên tắc bảo đảm luận tội của các chủ thể thực hiện luận tội theo trình tự, thủ tục... qua đó thấy rằng tố tụng hình sự ta là tố tụng thẩm vấn nhưng có đan xen các yếu tố luận tội, và nổi bật nhất là luận tội tại phiên tòa. Trong khi đó, thực tiễn hoạt động luận tội không phải đợi cho đến khi xét xử mới xuất hiện. Và Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành đã quy định luận tội là một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2

THỰC TIỄN LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Các yếu tố tác động đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tại Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

2.1.1. Các quy định về luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Căn cứ pháp lý về việc luận tội của Kiểm sát viên được quy định tại điều 321 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 như sau:

“1. Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

2. Nội dung luận tội phải phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, ... xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

3. Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng.

4. Kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.”

Quy định về phương thức trình bày lời luận tội của Kiểm sát viên

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phải trình bày lời luận tội, chứ không phải đọc lời luận tội chuẩn bị trước hoặc đơn giản chỉ là lời buộc tội mà không phân tích, lập

luận gì. Điều đó có nghĩa rằng lời luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào kết quả xét hỏi, những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Nếu Kiểm sát viên không thực hiện phân tích đánh giá chứng cứ, phân tích yêu cầu áp dụng pháp luật thì Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu Kiểm sát viên thực hiện điều đó.

Quy định về nội dung lời luận tội của Kiểm sát viên

Thứ nhất, nội dung lời luận tội của Kiểm sát viên phải phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ; đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, hậu quả gây ra, vai trò trách nhiệm và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đề xuất áp dụng pháp luật và vận dụng chính sách xử lý cho phù hợp; khi nêu hành vi phạm tội phải viện dẫn các chứng cứ để chứng minh, bảo đảm tính logic và sắc bén.

Thứ hai, nội dung lời luận tội của Kiểm sát viên phải phân tích, phê phán thủ đoạn phạm tội của bị cáo; phân tích bác bỏ những quan điểm không có căn cứ, không phù hợp với vụ án của những người tham gia tố tụng khác để làm sáng tỏ sự thật, bảo vệ chính sách pháp luật, thể hiện tính đấu tranh và tính thuyết phục của bản luận tội. Khi phân tích bác bỏ các quan điểm không phù hợp phải viện dẫn các chứng cứ để chứng minh.

Thứ ba, phải xác định rõ các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, tuyên truyền giáo dục pháp luật, góp phần đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật. Kiểm sát viên phải phân tích, phê phán hành vi và thủ đoạn thực hiện tội phạm, những nhận thức lệch lạc, sai trái của bị cáo để lên án trước dư luận; đồng thời rút ra những bài học cảnh giác trong nhân dân và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa để khắc phục những thiếu sót, sơ hở trong công tác quản lý kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nội dung này phải phù hợp

với thực tế của vụ án, tránh cường điệu, lan man, xa rời thực tiễn; cần gắn chặt với yêu cầu chính trị chung và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, phục vụ tốt cho việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng chống loại tội phạm đó nói riêng.

Thứ tư, đề nghị áp dụng về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại (nếu có), xử lý vật chứng, đảm bảo chính xác theo điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự.

2.1.2. Tổ chức bộ máy và năng lực của đội ngũ Kiểm sát viên tại Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ ngày 31/12/1960 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố; nhằm đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất trên địa bàn Thủ đô.

Những năm qua, ngành Kiểm sát Thủ đô đã chú trọng đổi mới tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ với mục đích xây dựng đội ngũ cán bộ Kiểm sát có bản lĩnh chính trị, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đạo đức, lối sống trong sáng theo lời dạy của Bác Hồ: “Cán bộ kiểm sát phải công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ tiếp tục được quan tâm. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố là một trong những đơn vị đầu tiên trong cả nước thực hiện mô hình liên kết với các cơ sở đào tạo để tổ chức các lớp đào tạo tại chỗ cho cán bộ, Kiểm sát viên, đã phối hợp, tạo điều kiện để cán bộ quản lý, Kiểm sát viên theo học các lớp nâng cao trình độ quản lý, lý luận chính trị, tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về kiểm sát giải quyết án, các lớp cao học luật, lớp học soạn thảo văn bản, công tác văn thư, lưu trữ, ngoại ngữ, tin học..., đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa quá trình đào tạo và tự đào tạo để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp thực hành quyền công tố

và kiểm sát hoạt động tư pháp cho Kiểm sát viên. Chính vì vậy, lực lượng cán bộ Kiểm sát Thủ đô ngày càng được củng cố và lớn mạnh.

Năm 2008, thời điểm mới sáp nhập, ngành Kiểm sát Hà Nội mới chỉ có 668 biên chế, trong đó có 20 Thạc sĩ Luật, nhiều đồng chí chưa hoàn thiện chương trình Cử nhân Luật; đến năm 2019, tổng số cán bộ, công chức ngành Kiểm sát Hà Nội đã có 916 người (812 biên chế và 104 nhân viên Hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP của Chính phủ), đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên đều đã được chuẩn hóa về trình độ theo quy định của Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, có 42 Tiến sĩ luật, 302 Thạc sĩ luật, 422 Cử nhân luật trong đó 189 cán bộ có trình độ Cao cấp Lý luận chính trị. Cơ cấu đội ngũ Kiểm sát viên hiện nay chiếm 52,6% tổng số cán bộ, công chức, hai cấp kiểm sát có 482 Kiểm sát viên (263 Kiểm sát viên trung cấp và 219 Kiểm sát viên sơ cấp). Hiện tại, cơ cấu Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp thành phố Hà Nội gồm 45 đơn vị, trong đó 30 Viện Kiểm sát nhân dân quận, huyện, thị xã và 15 phòng nghiệp vụ.

**Bảng 2.1. Thực trạng các khóa đào tạo, bồi dưỡng
tại Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội**

Các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ	2015	2016	2017	2018	2019
Các lớp nghiên cứu sinh, cao học Luật	32	11	19	8	10
Các lớp Cao cấp lý luận chính trị	2	8	5	1	4
Các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý, điều hành			19	25	
Các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát	95	81	3	42	31
Các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát chuyên sâu	56	28	109		121
Các lớp bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ		40		35	

(Nguồn: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội)

2.1.3. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

Năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp thành phố Hà Nội tiếp tục triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác theo các nghị quyết của Quốc hội về công tác tư pháp; đồng thời đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nhiệm vụ công tác của ngành với phương châm: “Đoàn kết, đổi mới - Trách nhiệm, kỷ cương - Thực chất, hiệu quả”... Kết quả, một số chỉ tiêu năm 2019 có chuyển biến tích cực, duy trì tỷ lệ cao như: Yêu cầu xác minh, yêu cầu điều tra, tỷ lệ kiểm sát các vụ việc đều đạt 100%; tỷ lệ bắt giữ, chuyển khởi tố hình sự đạt 99,5% (cao hơn 2,5% so với chỉ tiêu của ngành). Tỷ lệ truy tố đúng thời hạn đạt 100%, truy tố bị can đúng tội danh đạt 99,3%; tỷ lệ xác định án hình sự trọng điểm đạt 16% (cao hơn 11%). Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Viện Kiểm sát nhân dân đạt 99,1% (cao hơn 19,1% so với chỉ tiêu của toàn ngành). Số lượng án hủy dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động giảm so với năm 2018...

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố cũng đã phối hợp liên ngành giải quyết tốt các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo trung ương, Thường trực Thành ủy Hà Nội theo dõi, chỉ đạo. Đặc biệt, không có trường hợp nào cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội; không có trường hợp nào hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội. Số kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm và kiến nghị phòng ngừa là 620 kiến nghị, là số lượng kiến nghị nhiều nhất từ trước đến nay... Ngành Kiểm sát Hà Nội đã hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ công tác, có nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức, như thực hành quyền công tố, kiểm sát trên 19.400 tố giác, tin báo tội phạm; phối hợp với cơ quan điều tra giải quyết trên 18.000 tin, đạt 93,1% (tăng hơn 3,1% so với chỉ tiêu Quốc hội giao); yêu cầu xác minh, điều tra, tỷ lệ kiểm sát các vụ việc đều đạt 100%; tỷ lệ bắt giữ, chuyển khởi tố hình sự đạt 99,5%...

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tố trong các vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế chức vụ do Ban Chỉ đạo trung ương về Phòng, chống tham nhũng, Ban Nội chính Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy và Ban Nội chính Thành ủy theo dõi, chỉ đạo. Các vụ án lớn đều được tập trung giải quyết kịp thời, xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, được dư luận đồng tình ủng hộ.

2.1.4. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Cơ sở vật chất ngành Kiểm sát thành phố Hà Nội những năm gần đây đã được tăng cường; mạng lưới công nghệ thông tin, cơ yếu đang từng bước được trang bị theo hướng hiện đại để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ kiểm sát và hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành. 11 trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện đã được xây dựng mới đảm bảo đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, sửa chữa, nâng cấp 15 trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp; đồng thời được trang bị 20 xe ô tô công và 50 xe mô tô công phục vụ công tác. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố cũng đã đề nghị và được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, cấp 2,5 ha đất để thực hiện đề án xây dựng mới trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân thành phố theo tinh thần cải cách tư pháp.

2.2. Thực trạng luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tại thành phố Hà Nội

2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

2.2.1.1. Kết quả đạt được

Nhìn chung các bản luận tội của Kiểm sát viên tại Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đều đã bám sát nội dung, yêu cầu của Quy chế và mẫu hướng dẫn số 136 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao với bố cục 3 phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Các bản luận tội hầu hết đã đề cập đầy đủ những vấn đề cơ bản của vụ án, thậm chí nhiều bản luận tội còn

chuẩn bị khá tốt, chuẩn mực, có tính thuyết phục cao, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm trong tình hình hiện nay. Cụ thể:

Nếu như bản cáo trạng là văn bản pháp lý mô tả hành vi của bị cáo và khẳng định hành vi đó là tội phạm thì bản luận tội đóng vai trò là văn bản chứng minh tại sao hành vi của bị cáo được xem là tội phạm. Trong những năm qua, tương ứng với số lượng vụ án và bị cáo đã xét xử, Kiểm sát viên đã viết dự thảo luận tội và trình bày tại phiên tòa trên 12.000 bản luận tội trong giai đoạn 2015 - 2019. Thông qua luận tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện tốt việc chứng minh tội phạm cũng như tuyên truyền, giáo dục pháp luật, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Để nâng cao chất lượng luận tội, phần lớn Kiểm sát viên đã thực hiện đúng hướng dẫn tại Quy chế công tác thực hành công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm về viết dự thảo luận tội. Nội dung dự thảo luận tội cơ bản đã đạt được các yêu cầu sau:

Phân tích đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, vai trò, trách nhiệm và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đề xuất áp dụng pháp luật và vận dụng chính sách phù hợp.

Phân tích làm rõ tính chất, thủ đoạn phạm tội, lập luận bác bỏ những quan điểm không có căn cứ, không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phản hồi những đề nghị, yêu cầu của bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác nêu ra trong phần xét hỏi.

Xác định rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội, tuyên truyền giáo dục pháp luật, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật; rút ra những bài học và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa để khắc phục những thiếu sót, sơ hở trong công tác quản lý kinh tế - xã hội. Đề nghị áp dụng hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại (nếu có) đảm bảo chính xác theo điều khoản của Bộ luật Hình sự.

Đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động, bản dự thảo luận tội của Kiểm sát viên đều được lãnh đạo Viện, lãnh đạo Phòng duyệt trước khi tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã chú ý theo dõi ghi chép đầy đủ những chứng cứ, tài liệu được kiểm tra công khai cũng như câu hỏi của Hội đồng xét xử và trả lời của bị cáo, của người tham gia tố tụng để kịp thời bổ sung vào dự thảo luận tội cho phù hợp.

Hình thức thể hiện luận tội đều được các Kiểm sát viên thực hiện theo mẫu hướng dẫn của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao với bố cục gồm 3 phần: Phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Tùy thuộc vào từng vụ án cụ thể mà Kiểm sát viên có sự linh hoạt chuẩn bị khác nhau như: Đối với vụ án quan trọng, phức tạp có nhiều bị cáo thì Kiểm sát viên viết dự thảo luận tội thành văn bản và báo cáo lãnh đạo Viện duyệt cho ý kiến trước khi tham gia phiên tòa, đối với vụ án đơn giản rõ ràng thì có thể viết đề cương chi tiết để trình bày.

Kỹ năng trình bày luận tội: Hầu hết các bản luận tội được Kiểm sát viên hai cấp chuẩn bị kỹ từ trước. Đa số Kiểm sát viên trình bày luận tội mạch lạc, rõ ràng, ngữ điệu phù hợp với nội dung, làm cho luận tội được sinh động và thuyết phục. Kiểm sát viên đã chú ý kết hợp phương pháp chứng minh, phân tích, đối chiếu, so sánh và kết luận khi giải quyết vấn đề. Việc xác định tội danh được bảo đảm chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật.

Việc vận dụng đường lối xử lý đối với bị cáo phần lớn bảo đảm tính nghiêm minh, đúng pháp luật, chú ý xem xét đầy đủ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, nhân thân của bị cáo để đề nghị Tòa án áp dụng hình phạt. Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật, hình phạt các biện pháp tư pháp đối với bị cáo về cơ bản được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, ngoài việc giới hạn tốt phạm vi truy tố và xét xử, luận tội của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội còn làm tốt việc giới

hạn phạm vi đề nghị xử lý hình phạt đối với bị cáo. Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đưa ra luôn được cân nhắc, lựa chọn kĩ càng dựa trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa cũng như dựa trên những ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Để rồi từ đó, Kiểm sát viên luận tội đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo với một mức hình phạt phù hợp, không nặng để khiến người phạm tội bất mãn mà cũng không nhẹ để làm cho họ có tâm lý khinh nhờn pháp luật, đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật. Thực tiễn xét xử ở thành phố Hà Nội cho thấy hầu hết mức hình phạt mà Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên luôn nằm trong phạm vi mà Kiểm sát viên đã đề nghị và mức hình phạt đó cũng được các bị cáo chấp nhận, ít có kháng cáo, kháng nghị.

2.2.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Một là, nhận thức đúng đắn của Lãnh đạo và của Kiểm sát viên về luận tội. Nâng cao chất lượng luận tội của Kiểm sát viên trong xét xử hình sự luôn luôn là vấn đề nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Viện Kiểm sát nhân dân các cấp. Lãnh đạo các cấp Kiểm sát cũng đã có sự quan tâm, đề ra các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng luận tội của Kiểm sát viên. Sự thay đổi về nhận thức trong chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Viện Kiểm sát nhân dân các cấp đến sự thay đổi tích cực trong nhận thức của Kiểm sát viên về luận tội. Nhận thức luận tội không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm nên Kiểm sát viên đã chủ động, tích cực thực hiện việc tranh luận tại phiên tòa. Bản chất của luận tội, mục đích ý nghĩa của việc tranh luận, giới hạn, phạm vi luận tội, các nội dung, yêu cầu đề ra khi tham gia tranh luận cũng đã được các Kiểm sát viên nhận thức rõ rệt hơn. Nhiều Kiểm sát viên có ý thức trách nhiệm cao, luôn tự học hỏi, rèn luyện cho mình các kỹ năng luận tội. Việc nhận thức đầy đủ, đúng đắn về luận tội là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên.

Hai là, việc đầu tư cho công tác cán bộ đã được chú trọng

Trong các năm qua, chất lượng cán bộ ngày càng được nâng lên. Cán bộ được bổ nhiệm Kiểm sát viên đều đáp ứng đầy đủ các quy định về đạo đức, phẩm chất, năng lực, trình độ theo quy định tại Điều 2, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Pháp lệnh Kiểm sát viên. Nhiều Viện Kiểm sát nhân dân địa phương đã bố trí đủ lực lượng cho công tác luận tội; trong đó có nhiều Kiểm sát viên có năng lực, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác tranh tụng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ba là, tổ chức hoạt động thông khâu trong công tác giải quyết án hình sự là một trong những nguyên nhân dẫn đến chất lượng luận tội tại phiên tòa sơ thẩm được nâng lên. Trước đây, giữa hoạt động kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử thực hiện theo mô hình chuyên khâu, do các Kiểm sát viên công tác ở các đơn vị nghiệp vụ khác nhau thực hiện.

Mô hình này đã khiến cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khó khăn khi tiếp cận vụ án ở giai đoạn xét xử, bởi lẽ sau khi có Cáo trạng, trong thời gian ngắn (3 ngày), Viện Kiểm sát nhân dân phải chuyển hồ sơ và bản Cáo trạng sang Tòa án sơ thẩm. Với thời gian này, Kiểm sát viên được phân công luận tội tại phiên tòa không có điều kiện để nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, do vậy khó khăn khi bảo vệ quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa. Sau khi thực hiện mô hình thông khâu, Kiểm sát viên kiểm sát điều tra vụ án vừa đồng thời là người thực hành quyền công tố nói chung và luận tội tại phiên tòa sơ thẩm nói riêng là một thuận lợi để Kiểm sát viên nắm vững được bản chất vụ án, các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết khác của vụ án, giúp Kiểm sát viên có đủ cơ sở để luận tội tại phiên tòa, tự tin khi tranh luận (trừ trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân tối cao truy tố, uỷ quyền cho Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm). Mặt khác, thông qua hoạt động kiểm sát điều tra, truy tố, Kiểm sát viên

có điều kiện nắm được bản chất con người của bị cáo, tính cách cũng như thái độ tâm lý của bị cáo...từ đó giúp Kiểm sát viên có kỹ năng, phương pháp phù hợp đối với từng bị cáo khi luận tội.

2.2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

2.2.2.1. Những tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, việc chuẩn bị bản luận tội (ở cấp sơ thẩm) trong một số vụ án chưa đạt yêu cầu. Bản luận tội tuy chỉ là văn bản mang tính nghiệp vụ, được yêu cầu Kiểm sát viên phải chuẩn bị trước khi tham gia phiên tòa để thể hiện quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân về việc truy tố, đồng thời đưa ra các luận cứ, luận chứng để làm cơ sở đưa ra đề nghị áp dụng trách nhiệm hình sự (hình phạt, biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại...) đối với bị cáo. Tuy nhiên, đây là văn bản quan trọng, làm tiền đề cho việc tranh luận tại phiên tòa, do vậy bản luận tội phải được chuẩn bị kỹ, nội dung đầy đủ các luận điểm, luận cứ và luận chứng có tính thuyết phục. Bản luận tội phải được xây dựng như một khuôn mẫu cho bản án sơ thẩm sau này của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên trên thực tế, nhiều bản luận tội còn sao chép cơ bản (thậm chí là nguyên văn) bản cáo trạng; phân tích sơ sài, không làm rõ các nội dung cần xem xét, kết luận; kết cấu không hợp lý. Hạn chế thường thấy là các bản luận tội chỉ nêu luận điểm mà rất ít có luận cứ và luận chứng đầy đủ để chứng minh cho luận điểm đã nêu. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, nhiều Kiểm sát viên không chuẩn bị tốt bài phát biểu; trong bài phát biểu không làm rõ các nội dung kháng cáo, kháng nghị; thiếu các luận cứ và luận chứng thuyết phục; không trích dẫn đầy đủ các bút lục. Một số trường hợp (thường xảy ra ở các Kiểm sát viên lâu năm làm công tác xét xử nên có tư tưởng chủ quan) không viết luận tội hoặc bản phát biểu mà ra phiên tòa “nói vo”, không cần chuẩn bị trước. Điều này là vi phạm quy định của ngành về công tác lập hồ sơ kiểm

sát, đồng thời hệ quả của nó là chất lượng luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa không cao.

Thứ hai, một số bản luận tội phân tích chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo chưa đạt yêu cầu. Việc đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả của tội phạm chưa đầy đủ và toàn diện, đặc biệt không phân hoá được vai trò của từng bị cáo trong các vụ án có đồng phạm... Một số bản cáo trạng xác định tội danh, điều khoản áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chưa chính xác..., dẫn đến bị cấp phúc thẩm cải, sửa án, chuyển tội danh hoặc thay đổi khung hình phạt. Ví dụ: vụ Trần Thị Thảo phạm tội “Chứa mại dâm” (Điều 254), phải thay đổi khung hình phạt theo hướng nhẹ hơn đối với bị cáo từ khoản 2 Điều 254 sang khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự, do đánh giá sai về tình tiết định khung; vụ Kim Văn Lan, Vi Văn Đông bị khởi tố tội “Giết người”, sau đó phải thay đổi tội danh “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”... (Nguồn: Hồ sơ Kiểm sát - Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội). Những vụ án này quá trình kiểm sát điều tra, Kiểm sát viên nhận định và đánh giá chưa chính xác hành vi phạm tội của bị can, không yêu cầu cơ quan điều tra thu thập chứng cứ toàn diện, khách quan mà chỉ chú trọng thu thập chứng cứ buộc tội. Một số ít nội dung bản cáo trạng chưa đạt yêu cầu, thiếu căn cứ và không cụ thể, bố cục và văn phong chưa đúng mẫu quy định của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Thứ ba, vẫn còn tình trạng Kiểm sát viên chưa xây dựng dự kiến đề cương xét hỏi, đối đáp, tranh luận: Thực tiễn hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm trong những năm qua cho thấy, vẫn còn một số Kiểm sát viên có nhận thức việc xét hỏi tại phiên tòa là do Hội đồng xét xử thực hiện. Nhận thức không đúng này dẫn đến Kiểm sát viên “quên” trách nhiệm của mình là phải chứng minh mọi luận điểm trong cáo trạng bằng việc chủ động xét hỏi, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tội phạm và làm sáng tỏ

các tình tiết của vụ án. Vì vậy, trước khi tham gia phiên tòa Kiểm sát viên không xây dựng dự thảo đề cương xét hỏi, hoặc có làm thì cũng rất sơ sài, không dự kiến được những tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa.

Thứ tư, tồn tại trong việc trình bày bản luận tội: Tồn tại lớn nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là việc phân tích, đánh giá chứng cứ tại một số bản luận tội còn yếu, bố cục chưa chặt chẽ và thiếu logic. Mặt khác, có trường hợp Kiểm sát viên lại trình bày quá ngắn gọn và không đầy đủ, thiếu hẳn phần nêu mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, tầm quan trọng của việc xét xử vụ án, như:

“Thưa Hội đồng xét xử!

Hôm nay, ngày 25/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai đối với bị cáo Đặng Xuân V. về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Cáo trạng truy tố số 66 ngày 12/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa hôm nay, tôi trình bày lời luận tội đối với bị cáo như sau...”.

Tại phiên tòa, vẫn còn một bộ phận Kiểm sát viên chưa tập trung chú ý theo dõi và ghi chép đầy đủ chứng cứ, tài liệu mới được thẩm tra, tình tiết mới phát sinh để bổ sung, cập nhật kịp thời vào bản dự thảo luận tội cho phù hợp với diễn biến xét xử, luận tội tại phiên tòa. Hệ quả là nhiều quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị trong bản luận tội (được chuẩn bị sẵn, không bổ sung theo diễn biến tại phiên tòa) nên không sát thực tiễn, thậm chí trái quy định pháp luật. Mặt khác phương pháp luận tội của một số Kiểm sát viên còn bộc lộ điểm yếu là không thể hiện được nguyên tắc luận chứng trước và luận tội sau, tức là phải phân tích đánh giá chứng cứ của vụ án để xác định tội phạm và người phạm tội theo quy định tại điều khoản nào của Bộ luật Hình sự, sau đó mới phân tích tính chất hành vi phạm tội, thủ đoạn phạm tội, nguyên nhân,

điều kiện phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị hình phạt. Một số trường hợp phương pháp trình bày luận tội không sắc bén, không có sự phân tích đánh giá toàn bộ chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, không viện dẫn được các chứng cứ trực tiếp, chứng cứ gián tiếp để chứng minh hành vi phạm tội, tình tiết định tội, định khung hình phạt của bị cáo, dẫn đến không thuyết phục được người nghe.

Thứ năm, một trong những cơ sở để Kiểm sát viên luận tội với người tham gia tố tụng là hệ thống chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên do những nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan nên Kiểm sát viên không nghiên cứu kỹ hồ sơ, vì vậy khi người tham gia luận tội đưa ra những chứng cứ trong hồ sơ để dùng làm cơ sở cho quan điểm của họ thì Kiểm sát viên nắm không vững chứng cứ đó, không rõ chứng cứ này tại bút lục bao nhiêu, nội dung của nó là gì? Nó có ý nghĩa gì trong việc giải quyết vụ án...do vậy không thể đối đáp lại người luận tội. Thái độ này của Kiểm sát viên gây bức xúc cho người tham gia luận tội nên họ yêu cầu Kiểm sát viên phải đối đáp lại, làm rõ thêm, gây căng thẳng trong tranh luận. Bên cạnh hệ thống chứng cứ, các qui định của pháp luật cũng là cơ sở để các bên luận tội tranh luận, đối đáp lẫn nhau. Nhiều trường hợp các bên luận tội đều nắm rõ nội dung và các qui định của văn bản pháp luật nhưng tranh luận với nhau về những vấn đề khác như: Hiệu lực của văn bản, về giá trị pháp lý của văn bản, về quan hệ giữa văn bản này với các văn bản khác có liên quan... Nhiều Kiểm sát viên đã lúng túng khi luận tội về những vấn đề nói trên.

Ví dụ: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố một số bị cáo về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép theo khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có hành vi rủ rê, lôi kéo, chuẩn bị các điều kiện và đưa trên 20 người sang Trung Quốc trái phép. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho những người bị hại cho rằng cần phải áp dụng Thông tư liên tịch số

09/2006/ BLĐTĐ&XH-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/8/2006 để truy tố các bị cáo theo khoản 2 của Điều 275 Bộ luật Hình sự vì số lượng người bị các bị cáo tổ chức trốn đi nước ngoài trái phép thoả mãn khoản 2 của điều luật. Kiểm sát viên đã lúng túng khi vận dụng lý lẽ về hiệu lực của Thông tư số 09 nói trên để phản bác quan điểm của Luật sư. Điểm quan trọng mà lẽ ra Kiểm sát viên phải biết là Thông tư số 09 nêu trên chỉ hướng dẫn về hành vi tổ chức hoặc cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép chứ không hướng dẫn hành vi tổ chức hoặc cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài trái phép; do vậy không thể áp dụng Thông tư số 09 để áp dụng theo hướng làm tăng TNHS cho hành vi mà Thông tư này không hướng dẫn.

Thứ bảy, có nhiều bản luận tội tương đối giống nhau. Ví dụ như luận tội trong các vụ án Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, nếu có khác nhau chỉ là họ tên bị cáo, trọng lượng ma túy khiến cho phần trình bày luận tội tại phiên tòa của Kiểm sát viên trở nên nhàm chán, kém sinh động, làm giảm chất lượng của hoạt động luận tội. Đồng thời qua đó cũng phản ánh thực trạng chung đang diễn ra là ở một số vụ án đơn giản, Kiểm sát viên khi chuẩn bị luận tội đã “sao chép, cắt dán”, thể hiện tính cầu thả, thiếu trách nhiệm.

Thứ tám, theo quy định của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, tại phần kết luận của bản luận tội, Kiểm sát viên cần lưu ý với Hội đồng xét xử về yêu cầu, mục đích, tầm quan trọng của việc xét xử vụ án để có quyết định chính xác; đồng thời lưu ý Hội đồng xét xử về những quan điểm mới phát sinh tại phiên tòa, những thay đổi trong quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa (nếu có) để Hội đồng xét xử lưu ý, quan tâm khi nghị án. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy, nhiều Kiểm sát viên chưa thực sự quan tâm đến phần này. Cụ thể, sau khi đề nghị xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các biện pháp tư pháp, các Kiểm sát viên thường kết luận bài luận tội một cách khá ngắn gọn như: “Trên đây là quan điểm giải quyết vụ án của

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc để tuyên một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật” hoặc “Trên đây là toàn bộ quan điểm giải quyết vụ án của Viện Kiểm sát nhân dân đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc” là chưa đảm bảo theo quy định.

2.3.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Một là, hệ thống qui phạm pháp luật làm cơ sở cho luận tội còn chưa hoàn thiện. Hệ thống pháp luật này bao gồm hai nhóm: Nhóm các qui định là cơ sở pháp lý cho hoạt động luận tội (như các qui định về quyền và nghĩa vụ của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa tại phiên tòa; các qui định về trách nhiệm của Hội đồng xét xử, của Thẩm phán trong việc đảm bảo cho hoạt động luận tội; các qui định về trình tự, thủ tục luận tội; về văn hoá tư pháp...) và nhóm các qui định pháp luật về nội dung có liên quan đến các vấn đề đưa ra luận tội. Thực tiễn hiện nay cho thấy việc luận tội tại phiên tòa của Kiểm sát viên đôi khi diễn ra hời hợt, hình thức. Đã không ít Kiểm sát viên chưa tích cực, chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình mà ỷ lại vào Hội đồng xét xử. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định tại Điều 26 quy định rõ “tranh luận trong xét xử được bảo đảm”. Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện Kiểm sát nhân dân chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo

điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và luận tội dân chủ, bình đẳng trước Tòa án. Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Hai là, một số Kiểm sát viên chưa nhận thức được hết tầm quan trọng và ý nghĩa của hoạt động luận tội cũng như chưa thấy được luận tội là cốt lõi của hoạt động công tố. Vẫn còn tình trạng có thái độ ỷ lại vào đội ngũ Chuyên viên, Kiểm tra viên giúp việc mà không tham gia nghiên cứu hồ sơ từ giai đoạn đầu, lơ là công tác chuẩn bị trước khi ra phiên tòa và tại phiên tòa không chú ý ghi chép, theo dõi diễn biến vụ án để bổ sung vào bản dự thảo luận tội.

Ba là, công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực trình độ nói chung, bồi dưỡng về kỹ năng luận tội cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nói riêng chưa được quan tâm đúng mức. Việc đào tạo bồi dưỡng tư duy logic hình thức cho các Kiểm sát viên để vận dụng vào hoạt động luận tội chưa được lãnh đạo các cấp quan tâm thường xuyên, kịp thời. Để thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự, Kiểm sát viên cần phải thường xuyên rèn luyện tư duy logic, khả năng tổng hợp, phân tích đánh giá chứng cứ, thường xuyên rèn luyện kỹ năng đọc, nói, viết, kỹ năng cảm hóa, giáo dục, thuyết phục người tham gia phiên tòa, nhất là kỹ năng luận Hôn nữa, trình độ năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp của một số bộ phận Kiểm sát viên vẫn còn hạn chế nhất định. Về trình độ, năng lực nghiệp vụ của một số Kiểm sát viên còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay. Đây là nguyên nhân chính thuộc

yếu tố chủ quan hạn chế việc thực hiện vai trò của Kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử nói chung và trong luận tội tại phiên tòa nói riêng. Bởi lẽ, chất lượng luận tội có được là do con người, phụ thuộc vào khả năng chuyên môn của những Kiểm sát viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó còn có những Kiểm sát viên chưa tận tâm, tận lực, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và thực hiện lập hồ sơ theo quy định. Dẫn đến nhiều tình trạng không nắm được các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác trong vụ án dẫn đến kết quả luận tội không cao.

Mặt khác, nhiều Kiểm sát viên không cân đối được công việc gia đình, công việc cá nhân với công việc cơ quan nên không sắp xếp được thời gian đầu tư, nghiên cứu hồ sơ và chuẩn bị cẩn thận dự thảo bản luận tội, dẫn đến tình trạng một số bản luận tội trước Tòa còn khá sơ sài. Bên cạnh đó, Lãnh đạo một số đơn vị thường chú trọng đến các vụ án điềm, án mẫu hoặc vụ án được dư luận xã hội chú ý nhưng đối với những vụ án đơn giản còn thiếu quan tâm đến việc chuẩn bị luận tội trước khi tham dự phiên tòa của Kiểm sát viên.

Tiểu kết chương 2

Từ thực tiễn về luận tội Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2015 - 2019 cho chúng ta thấy, chất lượng luận tội đã đạt được nhiều kết quả tích cực như: Chất lượng nghiên cứu hồ sơ, xây dựng bản luận tội, chuẩn bị đề cương luận tội, các kỹ năng luận tội của Kiểm sát viên khi tham gia phiên tòa đã được nâng lên từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có tình trạng Kiểm sát viên nhận thức chưa đúng và đầy đủ về hoạt động luận tội dẫn đến chất lượng luận tội Kiểm sát viên cấp sơ thẩm hạn chế... làm cho chất lượng luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm thành phố chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp. Qua việc đánh giá kết quả đã đạt được, những mặt còn hạn chế, chúng ta đã chỉ rõ nguyên nhân, tồn tại, hạn chế để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng luận tội Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Chương 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM

3.1. Yêu cầu tăng cường biện pháp bảo đảm hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Vấn đề cải cách tư pháp hiện nay là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết để có thể thích ứng với những đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội. Vấn đề này đã được chính thức đặt ra tại các Đại hội sau đó của Đảng và ghi nhận trong các Nghị quyết Trung ương 8 - khoá VII, Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 7 - khoá VIII, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và đặc biệt là Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, với nội dung trọng tâm là: “Nâng cao chất lượng luận tội tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”. Trên cơ sở đánh giá kết quả đã đạt được và những tồn tại, bất cập trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội cần khẩn trương khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động công tác của mình, đồng thời tiếp tục quán triệt tinh thần của các Nghị quyết Trung ương về công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới. Việc này đang là nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước nói chung và của các cơ quan tư pháp nói riêng nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Lãnh đạo Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cùng sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ Kiểm sát viên, của tập thể cán bộ công chức, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội từng bước đổi mới về tổ chức và hoạt động, bước đầu có sự chuyển biến tích cực, chất

lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; góp phần quan trọng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát nhân dân và củng cố niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan tư pháp.

Từ năm 2015 đến nay, ngành kiểm sát Hà Nội đã triển khai nhiều biện pháp để phấn đấu thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; tập trung tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân trong tiến trình cải cách tư pháp, các quy định mới của Nhà nước liên quan chức năng, nhiệm vụ của ngành. Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp tiếp tục có chuyển biến tích cực; chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực hoạt động kiểm sát được nâng cao. Tuy nhiên, trước những yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế gắn với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, đòi hỏi ngành Kiểm sát nhân dân nói chung và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nói riêng phải có sự đổi mới toàn diện, sâu sắc trên các lĩnh vực công tác kiểm sát nhằm tổ chức thực hiện tốt hơn chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Trong đó, việc tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử nói chung và nâng cao chất lượng, kỹ năng luận tội nói riêng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự trong thời gian tới là một việc làm cấp bách và cần thiết.

3.2. Giải pháp tăng cường triển khai các biện pháp bảo đảm hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Theo Điều 103 Hiến pháp 2013 quy định: “Nguyên tắc tranh luận trong xét xử được bảo đảm”. Lần đầu tiên, tranh luận được quy định là một nguyên tắc trong xét xử. Để thực hiện quy định này, cần thiết phải rà soát các quy

định hiện hành về hoạt động tranh luận nói chung bao gồm của hoạt động luận tội của Kiểm sát viên trong Bộ luật Tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật khác để kịp thời xây dựng các chế định làm rõ các nội dung, phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân trong phiên tòa hình sự.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua vào ngày 27 tháng 11 năm 2015 về cơ bản cũng đã giải quyết những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn thi hành. Tuy vậy, liên quan đến hoạt động luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân vẫn còn những khó khăn trong thực tiễn mà chưa được Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 khắc phục. Trong phạm vi nghiên cứu liên quan đến đề tài, chúng tôi mạnh dạn đề xuất những giải pháp tăng cường các biện pháp bảo đảm triển khai thực hiện Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nhằm tạo cơ sở để Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố nói chung cũng như hoạt động luận tội nói riêng tại phiên tòa.

Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của Kiểm sát viên trong luận tội tại phiên tòa. Ngành kiểm sát tiếp tục rà soát những văn bản liên quan để sửa đổi, bổ sung hướng dẫn về tác nghiệp giúp Kiểm sát viên phát huy khả năng luận tội tại phiên tòa hình sự. Đây cũng là một trong những giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ qua thực tiễn công tác của Kiểm sát viên. Bên cạnh đó, các cơ quan tư pháp Trung ương tiếp tục khẩn trương ban hành hướng dẫn các qui định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các qui định còn có vướng mắc khác. Cần ghi nhận nguyên tắc trong các trường hợp qui định của pháp luật còn có vướng mắc mà chưa có hướng dẫn thì việc nhận thức và áp dụng pháp luật phải theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo. Tư tưởng này xuất phát từ nguyên tắc đã được thừa nhận trong quản lý Nhà nước là: Công dân được làm những gì mà pháp luật không cấm; công chức khi thi hành công vụ chỉ được làm những gì mà pháp luật qui định. “Nguyên tắc tranh luận trong xét xử được bảo đảm”, nguyên tắc

này còn đòi hỏi cần thiết phải rà soát các quy định hiện hành về hoạt động luận tội trong Bộ luật Tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật khác để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, theo đó:

Thứ nhất, để nâng cao hiệu quả hoạt động luận tội tại phiên tòa thì điều đầu tiên quyết định và quan trọng nhất trong Bộ luật Tố tụng hình sự phải thể hiện rõ luận tội là một phần trong nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, từ đó cụ thể hóa hơn nữa những quy định về luận tội tại phiên tòa, tạo ra cơ chế thích hợp và hiệu quả cho quá trình luận tội. Từ việc thừa nhận là một nguyên tắc thì tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và các chủ thể khác tham gia vào quá trình tố tụng đều phải ý thức và hướng mọi hoạt động của họ theo nguyên tắc ấy.

Thứ hai, để đảm bảo nâng cao năng lực luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và yêu cầu tăng trách nhiệm của Kiểm sát viên tại phiên tòa cần nghiên cứu Điều 19 và Điều 22 của Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định số 121 ngày 16/9/2004 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân TC) với việc áp dụng Điều 297 quy định về “hoãn phiên tòa” của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Theo quy định Điều 19 quy chế, nếu tại phiên tòa nếu phát hiện có căn cứ dẫn đến có thể thay đổi quan điểm truy tố theo hướng kết luận về tội danh khác nặng hơn hoặc phát hiện có tình tiết mới, khác với nội dung truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân đối với bị cáo thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xin ý kiến của lãnh đạo Viện Kiểm sát nhân dân. Bộ luật tố tụng hình sự không quy định trường hợp hoãn để Kiểm sát viên xin ý kiến lãnh đạo Viện Kiểm sát nhân dân hoặc để bổ sung chứng cứ. Hoặc, tại Điều 22 của quy chế quy định trong quá trình xét hỏi, nếu người tham gia tố tụng cung cấp thêm tài liệu mới và thấy rằng chưa có cơ sở để xác định, kết luận thì Kiểm sát viên đề nghị hoãn phiên tòa để xác minh, Bộ luật Tố tụng

hình sự cũng không quy định hoãn phiên tòa trong trường hợp này. Như vậy, tại phiên tòa Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 không quy định hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm trong những trường hợp như quy định tại Điều 19 và Điều 22 Quy chế quy định cho Kiểm sát viên được đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để có thời gian báo cáo lãnh đạo Viện đề xin ý kiến lãnh đạo Viện Kiểm sát nhân dân do phát sinh tại phiên tòa những vấn đề chủ quan Kiểm sát viên thấy rằng phải hoãn phiên tòa mới có thể giải quyết được. Do đó để nâng cao tính chịu trách nhiệm về quyết định của mình, thể hiện chất lượng hoàn thành nhiệm vụ qua năng lực luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, thì một mặt cần xem xét bổ sung Điều 19 của quy chế giao quyền cho Kiểm sát viên được đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đề nghị hoãn phiên tòa.

Thứ ba, việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 có lợi cho người phạm tội phải được tiến hành khẩn trương, trình cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai thi hành, không chờ đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực thi hành.

Thứ tư, ban hành Quy chế mới về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phải nhanh chóng có văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động luận tội phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thay cho Quyết định số 960/2007/QĐ-Viện Kiểm sát nhân dân TC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân TC. Quy chế này được ban hành và cụ thể hóa quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Khắc phục hạn chế trên của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, trên cơ sở tranh luận dân chủ tại phiên tòa, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định riêng về luận tội của Kiểm sát viên tại Điều 321 gồm có 4 khoản: khoản 1 giữ nguyên một phần

nội dung được tách ra từ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 để quy định về những căn cứ xây dựng bản luận tội của Kiểm sát viên; khoản 2, khoản 3, khoản 4 quy định cụ thể về nội dung luận tội, lời đề nghị kết tội và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật qua vụ án.

Mặt khác, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ra đời với 510 điều luật, gần như gấp đôi số lượng điều luật quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, đã bổ sung thêm rất nhiều quy định pháp luật mới, trong đó có quy định riêng về luận tội của Kiểm sát viên. Do đó việc sửa đổi quy định về luận tội tại Điều 23 Quy chế cũ cũng cần được đặt ra và quy định theo hướng: Điều.... Luận tội

1. Trước khi tham gia phiên toà Kiểm sát viên phải dự thảo bản luận tội theo mẫu của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Đối với vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động, Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo Viện cho ý kiến.

2. Tại phiên toà Kiểm sát viên phải ghi chép những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác để chỉnh sửa bản dự thảo luận tội. Sau khi kết thúc việc xét hỏi Kiểm sát viên trình bày luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về khoản khác với khoản mà Viện Kiểm sát nhân dân đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn nếu có căn cứ. Luận tội của Kiểm sát viên chỉ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà.

3. Bản luận tội phải đạt các yêu cầu sau đây:

a) Phải phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ; đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, hậu quả gây ra, vai trò trách nhiệm và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đề xuất áp dụng pháp luật và vận dụng

chính sách xử lý cho phù hợp; khi nêu hành vi phạm tội phải viện dẫn các chứng cứ để chứng minh bảo đảm lô-gíc và sắc bén.

b) Phân tích phê phán thủ đoạn phạm tội của bị cáo; phân tích bác bỏ những quan điểm không phù hợp với vụ án của những người tham gia tố tụng khác để làm sáng tỏ sự thật, bảo vệ chính sách pháp luật, thể hiện tính đấu tranh và tính thuyết phục của luận tội. Khi phân tích bác bỏ các quan điểm không phù hợp phải viện dẫn các chứng cứ để chứng minh.

c) Xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

4. Việc đề nghị áp dụng về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại (nếu có), xử lý vật chứng chính xác, cụ thể theo Điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự và các văn bản pháp luật khác.

5. Bản luận tội của Kiểm sát viên phải lưu hồ sơ kiểm sát.

Thứ năm, về nội dung bản luận tội, cần quy định linh hoạt hơn về thứ tự trình bày của Kiểm sát viên trong phần mở đầu của bản luận tội: Theo Hướng dẫn viết luận tại mẫu số 136 ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-Viện Kiểm sát nhân dân TC ngày 17/9/2007 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì trong phần mở đầu của bản luận tội, Kiểm sát viên phải trình bày theo thứ tự:

+ Bắt đầu vào luận tội bằng câu: “Thưa hội đồng xét xử”.

+ Sau đó, Kiểm sát viên tự giới thiệu mình là ai, đại diện cho Viện Kiểm sát nhân dân nào, thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm xét xử về hình sự vụ án “Nguyễn Văn A” hoặc “Nguyễn Văn A và đồng phạm” (đối với vụ án có nhiều bị cáo) bị truy tố về tội E, (hoặc các tội F, G, H)...

+ Tiếp đó, Kiểm sát viên nêu mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, tầm quan trọng của việc xét xử vụ án. Giới thiệu tóm tắt tội danh của vụ án, các bị cáo được đưa ra xét xử (không đi vào nội dung của vụ án).

+ Cuối cùng, Kiểm sát viên nói với trách nhiệm, quyền hạn là người thực hành quyền công tố Nhà nước, chúng tôi trình bày quan điểm về việc xử lý đối với bị cáo (các bị cáo) và giải quyết đối với vụ án như sau:...

Tuy nhiên, từ thực tiễn việc xây dựng và trình bày luận tội của Kiểm sát viên tại Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội cho thấy không phải lúc nào phần mở đầu của các bản luận cũng được trình bày theo thứ tự trên. Bởi tùy theo từng vụ án cụ thể mà các Kiểm sát viên có cách mở đầu bản luận tội khác nhau, tạo nên điểm nhấn riêng cho từng vụ án, không gây nhầm chán cho người nghe.

Theo đó, tác giả luận văn kiến nghị trong phần mở đầu của bản luận tội, Quy chế chỉ cần quy định các Kiểm sát viên phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo mẫu hướng dẫn của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao còn việc sắp xếp các nội dung trên theo thứ tự như thế nào thì sẽ tùy theo vào cách hành văn của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Bởi tuy chỉ là phần mang tính thủ tục nhưng nếu phần mở đầu của Kiểm sát viên gây ấn tượng tốt thì sẽ có tác dụng không nhỏ cho thành công của việc trình bày bản luận tội. Mặt khác, phần mở đầu của bản luận tội còn là cơ hội để Kiểm sát viên tham gia phiên tòa một lần nữa khẳng định với những người tham dự phiên tòa về vị trí, vai trò của mình là người đại diện cho Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố Nhà nước trình bày quan điểm về việc xử lý bị cáo và giải quyết vụ án.

3.2.2. Nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn, phẩm chất và tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên trong luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Để thực hiện tốt việc nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ Kiểm sát viên, bên cạnh sự cố gắng nỗ lực của mỗi Kiểm sát viên thì hàng năm ngành Kiểm sát nhân dân phải có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ Kiểm sát viên làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm

sát xét xử; thường xuyên có chuyên đề tổng kết rút kinh nghiệm hoạt động luận tội tại phiên tòa, thường xuyên kiểm tra hướng dẫn nghiệp vụ của cấp trên với cấp dưới để kịp thời khắc phục, uốn nắn những sai sót, tồn tại trong công tác để hoạt động luận tội các vụ án hình sự có hiệu quả.

Thời gian qua, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã tổ chức cho các Kiểm sát viên tham dự các phiên tòa mẫu, sau đó rút kinh nghiệm, nhận xét những điểm mạnh cũng như những thiếu sót, hạn chế của từng Kiểm sát viên để tất cả cùng rút kinh nghiệm. Đây là một kinh nghiệm tốt trong việc tự đào tạo, đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao chất lượng, kỹ năng hoạt động luận tội tại phiên tòa và đã được toàn ngành học tập và áp dụng trong phạm vi cả nước. Đây là một phương pháp đào tạo tại chỗ không tốn nhiều kinh phí và thời gian nhưng lại có hiệu quả rất tốt để nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, cần tiến hành thường xuyên và không chỉ giới hạn phạm vi trong một tỉnh nữa mà cần mở rộng ra phạm vi toàn quốc. Điều này hoàn toàn có thể thực hiện được vì ngành kiểm sát đã đầu tư công nghệ thông tin, thực hiện truyền hình trực tuyến đến tất cả các quận, huyện của 63 tỉnh, thành phố.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên phải có trình độ theo quy định của Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân và Pháp lệnh Kiểm sát viên tại Viện Kiểm sát nhân dân hiện hành. Đây là một trong những yếu tố hết sức quan trọng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, vấn đề đặt ra cho ngành Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phải đẩy nhanh và quan tâm hơn nữa công tác tuyển dụng và công tác đào tạo cán bộ, bảo đảm chất lượng và số lượng.

Trước hết, mỗi Kiểm sát viên phải tích cực học tập, nghiên cứu để nắm vững các quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự, các luật có liên quan, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật; nắm vững các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thường xuyên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ về tham gia phiên tòa hình sự như kỹ năng trình bày bản luận tội, kỹ năng diễn đạt, đối đáp trôi chảy, khả năng phản xạ linh hoạt trước các vấn đề mới phát sinh tại phiên tòa... Phải thể hiện sự ứng xử có văn hóa trong thái độ, trong cách xưng hô tại phiên tòa, tôn trọng sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng nhất là những người tham gia luận tội với mình. Kiểm sát viên phải đánh giá lại kết quả hoạt động của mình sau mỗi phiên tòa, rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc những thiếu sót, chú ý lắng nghe các ý kiến góp ý của đồng nghiệp, dư luận quần chúng tham dự phiên tòa với thái độ cầu thị để không ngừng hoàn thiện hơn kỹ năng nghiệp vụ của mình trong hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự. Cần bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên có bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng; có phẩm chất đạo đức trong sáng, lương tâm, trách nhiệm, tận tụy và có tính tự giác cao với công việc; có tinh thần kiên quyết đấu tranh bảo vệ công lý, không thiên lệch trước bất kỳ áp lực nào; luôn có ý thức, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, kịp thời cập nhật những văn bản pháp luật mới và những kiến thức cơ bản về nhiều chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau.

Bám sát kế hoạch đào tạo chung của ngành, tiếp tục cử cán bộ theo học các chương trình đào tạo, bồi dưỡng như: Lớp hoàn chỉnh kiến thức cử nhân luật, lớp đào tạo sau đại học, cao cấp lý luận chính trị, quản lý nhà nước hệ chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ hình sự cho cấp huyện... Bên cạnh đó, cần quan tâm, động viên và có chính sách hỗ trợ hợp lý cho vấn đề đào tạo kiến thức về tin học, ngoại ngữ... phấn đấu tỷ lệ Kiểm sát viên biết sử dụng thành thạo máy vi tính đạt 80%; có kiến thức cơ sở về một loại ngoại ngữ từ 50-60%, có khả năng nghe, viết, nói, dịch thông thạo một loại ngoại ngữ đạt từ 5-7%.

Đây chính là những tiền đề pháp lý cơ bản về trình độ và là đòi hỏi bắt buộc đối với mỗi cán bộ, Kiểm sát viên trong ngành Kiểm sát nhân dân. Chỉ như vậy chất lượng và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ của Kiểm sát viên mới được nâng lên.

Thực tiễn hoạt động của Kiểm sát viên tại Viện Kiểm sát nhân dân khi tham gia luận tội tại các phiên tòa hình sự trong thời gian qua thực chất mới chỉ đáp ứng được một phần. Vì vậy, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm sát viên phải được quan tâm bồi dưỡng nhiều hơn nữa về những kỹ năng này, nhất là kỹ năng tranh luận và đối đáp tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Trước hết về lý luận, Kiểm sát viên phải nắm vững mục đích của luận tội là để bảo vệ quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân trong cáo trạng. Để làm tốt nhiệm vụ này, Kiểm sát viên phải có sự chuyển biến thực chất về nhận thức, xác định tranh luận tại phiên tòa không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ. Điểm cốt lõi để bảo đảm việc tranh luận tốt là phải nghiên cứu kỹ và nắm vững hồ sơ vụ án. Muốn vậy, Kiểm sát viên phải theo sát tiến trình tố tụng ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình điều tra chứng minh tội phạm, hành vi phạm tội, bảo đảm để quá trình điều tra được khách quan, toàn diện và đầy đủ nhất về các tình tiết sự kiện của vụ án, từ đó có sự chuẩn bị tốt nhất về nội dung luận tội. Chỉ như vậy Kiểm sát viên mới củng cố được niềm tin nội tâm về tính xác thực của vụ án một cách cao nhất, đây cũng chính là yếu tố tâm lý rất cần thiết giúp Kiểm sát viên vững tin bước vào phần tranh luận. Song cũng cần khắc phục tư tưởng bảo thủ khi có những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa, có khả năng làm thay đổi một phần hay toàn bộ nội dung của vụ án, cần được điều tra bổ sung. Nhưng Kiểm sát viên vẫn cố tình lập luận để bảo vệ quan điểm truy tố.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên là người đại diện cho Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng

xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án. Chính vì vậy đặt ra đòi hỏi khi thực hiện các thao tác, kỹ năng nghiệp vụ của mình tại tòa phải bảo đảm những chuẩn mực (giá trị) cơ bản về văn hóa, nhất là văn hóa pháp lý trong xét hỏi, tranh luận, đối đáp... với luật sư, người bào chữa... tại phiên tòa. Kiểm sát viên hết sức chú ý tác phong, tính kỷ luật, tính tôn nghiêm, phải luôn có sự bình tĩnh, sự tập trung cao nhất trong suốt quá trình xét xử, thì mới đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Tránh tình trạng nóng vội, phản ứng gay gắt, tác phong luộm thuộm, lập luận văn phong không rõ ràng, không tập trung, trình bày cáo trạng, luận tội rời rạc...

Để đạt được những chuẩn mực giá trị văn hóa nhất định khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại phiên tòa, Kiểm sát viên cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững các quy định về pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, khoa học về chứng cứ, dấu vết, tâm lý tội phạm, đồng thời nắm vững các nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về kế toán, thống kê... và các chuyên ngành luật khác; phải thường xuyên rèn luyện tính tư duy logic, khả năng tổng hợp, phân tích đánh giá chứng cứ, phải dự kiến trước những tình huống có thể xảy ra tại tòa và phương án giải quyết; thường xuyên rèn luyện kỹ năng về đọc, nói, viết, kỹ năng cảm hóa, giáo dục, thuyết phục người tham gia phiên tòa, nhất là kỹ năng luận tội; phải biết kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức pháp luật, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ với sự hiểu biết tổng hợp về các môn khoa học xã hội, khoa học tâm lý, vốn sống, kinh nghiệm nghề nghiệp... khi thực hiện nhiệm vụ; phải có tác phong làm việc, sinh hoạt với tinh thần trách nhiệm cao, tự giác, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng mọi người; phải thường xuyên trau dồi phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, biết vượt qua chính mình, kiên quyết đấu tranh bảo vệ cái đúng, tôn trọng lẽ phải... Tóm lại, Kiểm sát viên khi luận tội tại phiên tòa hình sự cần rèn luyện để có được hai tố chất là khả năng phân tích tổng hợp, tư duy logic và khả

năng hùng biện, ứng xử linh hoạt trước đám đông. Những đòi hỏi này yêu cầu mỗi Kiểm sát viên ngành Kiểm sát nhân dân phải tự học hỏi, rèn luyện và thường xuyên trau dồi trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành và của địa phương.

3.2.3. Bảo đảm về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với Kiểm sát viên

Khi đánh giá nguyên nhân của những tồn tại trong công tác tư pháp thời gian qua, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị đã đánh giá: “Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở cấp huyện nhiều nơi trụ sở còn rất chật chội, phương tiện làm việc vừa thiếu lại vừa lạc hậu; chính sách đối với cán bộ tư pháp chưa tương xứng với nhiệm vụ và chức trách được giao”. Trong điều kiện cải cách tư pháp, với việc tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa án cấp huyện nói riêng và cho các cơ quan tư pháp cấp huyện nói chung, đòi hỏi phải có sự đầu tư mạnh hơn về cơ sở vật chất, trang bị làm việc cho Viện Kiểm sát nhân dân các cấp. Báo cáo công tác của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân TC tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIV, năm 2016 đã chỉ rõ:

Đối với Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

+ Số đơn vị có trụ sở ổn định, cơ bản đáp ứng được yêu cầu làm việc tạm thời (đầu tư từ năm 2005, diện tích làm việc bình quân 8-12m²/01 người) có 49 đơn vị, chiếm 77%.

+ Số đơn vị có trụ sở xây đã lâu, nay đã xuống cấp, thiếu diện tích làm việc, cần đầu tư, sửa chữa cải tạo mở rộng (xây dựng trước năm 2005) có 7 đơn vị, chiếm 11,1%.

+ Số đơn vị cần đầu tư xây dựng mới toàn bộ (xây dựng từ trước năm 2000, hiện nay đã hư hỏng, xuống cấp, diện tích làm việc bình quân 3-4m²/01 người) có 7 đơn vị, chiếm 12,7% [121].

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp. Như vậy, việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tư pháp nói chung và hoạt động luận tội nói riêng đã trở thành yêu cầu khách quan.

Hiện nay thực trạng cơ sở vật chất của các cơ quan tư pháp nói chung, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nói riêng đang còn thiếu; cơ sở vật chất, điều kiện và phương tiện làm việc phần lớn ở các địa phương còn thô sơ, lạc hậu. Khả năng ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, chưa bố trí đủ theo yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành. Đáng chú ý là khi phân bổ ngân sách, cũng như khi quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích trụ sở làm việc, trang thiết bị phương tiện làm việc, định mức chi tiêu ngân sách, Nhà nước vẫn coi ngành kiểm sát như các ngành hành chính sự nghiệp khác. Theo số liệu quyết toán hàng năm thì mức chi cho cán bộ, Kiểm sát viên còn rất thấp, mức chi cho công tác nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa trụ sở... không đáp ứng nhu cầu. Trong khi đó khối lượng công việc ngày càng tăng, nhất là trong lĩnh vực giải quyết án hình sự. Thực tế cho thấy hoạt động phạm tội ở nước ta hiện nay diễn biến rất phức tạp trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội; bọn tội phạm có xu hướng hoạt động theo ổ nhóm, theo đường dây, hoạt động lưu động trên nhiều địa phương, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp... Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật và công nghệ thông tin, bọn phạm tội ngày càng sử dụng sâu rộng những thành tựu đó vào quá trình phạm tội nên việc đấu tranh chống tội phạm cũng ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp hơn nhiều. Đặc biệt đáng lưu ý là tình trạng gia tăng của các loại tội phạm dẫn đến quá tải trong việc giải quyết án do lực lượng biên chế còn mỏng đã hạn chế hiệu quả công tác kiểm sát điều tra từ đầu.

Để khắc phục tình trạng yếu kém trong việc tổ chức thực hiện quyền công tố trong tổ tụng hình sự cần phải nâng cao năng lực cho các cơ quan tư pháp về nhiều mặt. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới đã chỉ rõ: “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý đối với các cán bộ tư pháp”. Quán triệt tinh thần Nghị quyết này, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014 đã có nhiều quy định mới để bảo đảm hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân. Nếu như trước đây, kinh phí hoạt động của ngành Kiểm sát nhân dân do Chính phủ lập dự toán, thì nay Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014 đã quy định cho Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ động lập dự toán kinh phí hoạt động của ngành; một trong những điểm đổi mới quan trọng là Luật mới còn quy định rõ việc Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển công nghệ thông tin và các phương tiện khác để đảm bảo cho ngành kiểm kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình (Điều 49 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân). Trên tinh thần đó, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cần chủ động đánh giá, thống kê rõ nhu cầu của việc cấp kinh phí, trang thiết bị... cho các khâu công tác ở Viện Kiểm sát nhân dân mỗi cấp và của toàn ngành nói chung để đề xuất với Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định. Theo chúng tôi, trước hết là chú trọng nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và phương tiện làm việc. Viện Kiểm sát nhân dân các cấp cần được trang bị máy vi tính để cập nhật, lưu giữ và khai thác thông tin tội phạm, thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo. Ngoài ra, các phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện giao thông cũng cần được sớm tăng cường, nhất là ở các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đồng thời cần có chế độ, chính sách hợp lý cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, nhất là ở cấp huyện, khen thưởng xứng đáng đối với những cán bộ có thành tích, chiến công trong đấu tranh, phòng chống tội phạm bảo vệ công lý.

Cải cách một bước cơ bản chế độ tiền lương đối với đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên nhằm từng bước khắc phục sự bất cập về đời sống của cán bộ ngành kiểm sát với các thành phần xã hội khác trong điều kiện cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp tăng cường nhân lực và vật lực cho ngành kiểm sát là những bảo đảm hết sức quan trọng để Viện Kiểm sát nhân dân các cấp THQCT có chất lượng trong ngành tình hình mới.

Bên cạnh việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị để bảo đảm nhu cầu cho hoạt động, ngành cần quan tâm đầu tư các trang thiết bị khoa học công nghệ cao như các máy vi tính, thiết bị phần mềm máy tính, thuê đường truyền ưu tiên... để bảo đảm hoạt động quản lý trong nội bộ Viện Kiểm sát nhân dân các cấp cũng như để bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

3.2.4. Tăng cường công tác quản lý, lãnh đạo của Viện Kiểm sát nhân dân trong hoạt động luận tội của Kiểm sát viên

Ngành Kiểm sát thành phố cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác đấu tranh, phát hiện và xử lý các loại tội phạm, nhất là án tham nhũng, tén dụng đen, xâm hại trẻ em... Đẩy nhanh tiến độ giải quyết các loại án, không để tồn đọng, kéo dài và không bỏ lọt tội phạm. Thực hiện tốt vai trò công tố trong các vụ việc, vụ án do Ban Chỉ đạo trung ương về Phòng, chống tham nhũng và Thành ủy theo dõi, chỉ đạo. Cùng với đó, rà soát việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TU và Chỉ thị số 15-CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy. Tích cực thực hiện chỉ thị của Trung ương, kế hoạch của Thành ủy về tổ chức đại hội đảng các cấp; tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng văn kiện đại hội, đồng thời giới thiệu nhân sự tham gia cấp ủy các cấp...

Một là, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố cần quan tâm hơn nữa đến công tác THQCT và KSXX các vụ án hình sự nói chung và công tác kiểm sát xét xử nói riêng, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc bồi dưỡng kỹ năng xây dựng dự thảo luận tội, kỹ năng trình bày luận tội và tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tùy theo tính chất của từng vụ án cụ thể mà lãnh đạo Viện có sự chỉ đạo, hướng dẫn Kiểm sát viên được giao nhiệm vụ tham gia luận tội các vụ án hình sự đầu tư thời gian thích hợp để nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, xây dựng dự thảo luận tội một cách kỹ lưỡng, chặt chẽ; khi viết xong bản dự thảo luận tội thì đồng chí Viện trưởng hoặc Phó viện trưởng phụ trách hình sự có thể duyệt “Dự thảo luận tội” để tránh sai sót, nhầm lẫn không đáng có.

Hai là, lãnh đạo Viện KSND cấp tỉnh và các Phòng nghiệp vụ (Phòng 1, Phòng 2) cần quan tâm hơn nữa đến công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ luận tội các vụ án hình sự. Đặc biệt quan tâm, chú ý đến việc truyền đạt, hướng dẫn Kiểm sát viên kỹ năng xây dựng dự thảo luận tội và phát biểu quan điểm luận tội. Thường xuyên thực hiện việc tổ chức các Hội nghị, Hội thảo chuyên đề để tổng hợp, rút kinh nghiệm những việc đã làm được và những vấn đề còn thiếu sót, tồn tại trong công tác này.

Ba là, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hàng năm cần định kỳ mở các buổi Hội thảo, Hội nghị tập huấn về kỹ năng xây dựng Bản luận tội, kỹ năng trình bày, phát biểu luận tội; kỹ năng đối đáp, tranh luận... tại phiên tòa hình sự để các Kiểm sát viên có điều kiện học tập, đúc rút kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng trong quá trình thực hiện hoạt động luận tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Bốn là, đối với công tác cán bộ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ, trong đó chú ý, quan tâm bồi dưỡng kỹ năng luận tội cho Kiểm sát

viên trong toàn ngành, nhằm tiếp tục đẩy nhanh việc tiêu chuẩn hoá cán bộ theo Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân và Pháp lệnh Kiểm sát viên năm 2002 đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Vụ Tổ chức cán bộ – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Phòng Tổ chức cán bộ các Viện Kiểm sát nhân dân địa phương cần xây dựng chương trình, nội dung đổi mới công tác đào tạo, tuyển chọn, đánh giá, bổ nhiệm và điều động cán bộ ngành Kiểm sát; bổ sung thêm biên chế cho các Viện Kiểm sát nhân dân địa phương còn thiếu, đặc biệt các địa phương có số lượng án hình sự lớn, phức tạp; vùng sâu, vùng xa; có phương án sắp xếp, sử dụng cán bộ, Kiểm sát viên theo hướng tạo điều kiện để họ phát huy hết sở trường của mình trong công việc, phù hợp với điều kiện công việc và nhân sự của từng địa phương. Như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, công việc có thành hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém”.

Tiểu kết chương 3

Nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm là một yêu cầu cấp thiết, một nội dung trọng tâm của ngành Kiểm sát nhân dân hiện nay. Điều này không chỉ xuất phát từ mục tiêu, nội dung cơ bản của cải cách tư pháp trong ngành Kiểm sát nhân dân mà các đường lối, nghị quyết về cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước đã xác định mà còn xuất phát từ những hạn chế, thiếu sót, tồn tại của chính hoạt động này trong thời gian qua cũng như là những yêu cầu của hoạt động luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự trong thời gian tới. Để nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, cần áp dụng khẩn trương, toàn diện, đồng bộ nhiều giải pháp, từ việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự, nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và của Viện Kiểm sát nhân dân cấp trên đến tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ Kiểm sát viên nói chung và Kiểm sát viên làm nhiệm vụ luận tội tại phiên tòa xét xử hình sự nói riêng.

KẾT LUẬN

Trong tiến trình cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng, Nhà nước ta đang thực hiện đường lối đổi mới, công tác cải cách tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng công tác kiểm sát từng bước được nâng lên. Kỹ năng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày càng được nâng lên, do chất lượng đào tạo nghiệp vụ cho Kiểm sát viên ngày càng được nâng cao, céng với sự chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo Viện và phòng nghiệp vụ cấp tỉnh. Do vậy, kỹ năng xây dựng bản luận tội của Kiểm sát viên ngày càng có nhiều tiến bộ rõ rệt, kỹ năng tranh luận và khả năng lập luận của Kiểm sát viên không còn lúng túng, đưa ra quan điểm, đường lối xử lý đúng đắn, đã có nhiều bản luận tội đạt cả về nội dung lẫn hình thức. Tuy nhiên vẫn còn một số bản luận tội được chuẩn bị một cách sơ xài về nội dung, chép gàn như nguyên văn bản cáo trạng, không đi sâu phân tích đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội để lập luận phân tích kết tội bị cáo (thiếu phần luận), hình thức cầu thả, văn phong không đúng ngữ pháp... Làm tốt việc luận tội cũng chính là làm tốt chức năng thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự; vị trí và vai trò của Kiểm sát viên được nâng cao.

Trong tiến trình cải cách tư pháp của nước để thực hiện tốt việc luận tội trong quá trình thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự, Ngành kiểm sát và Kiểm sát viên phải làm tốt các mặt công tác sau:

Thứ nhất: Thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ lý luận chính trị, giúp cho Kiểm sát viên có khả năng lập luận tốt, có sự nhạy bén trong quá trình luận tội.

Thứ hai: Lãnh đạo Viện và Phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự có sự quản lý chặt chẽ, sự chỉ đạo sâu sát đối với những vụ án phức tạp. Thường xuyên hướng dẫn nghiệp vụ

cho cấp huyện, tổ chức nhiều phiên tòa mẫu, các cuộc hội nghị chuyên đề nhằm rút kinh nghiệm trong quá trình thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm mà trong đó có phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Thứ ba: Kiểm sát viên phải tự thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao khả năng lập luận, phân tích đánh giá vụ án một cách khách quan, thể hiện được quan điểm đường lối xử lý vụ án một cách chính xác. Kiểm sát viên phải nhận thức đúng đắn, đầy đủ trách nhiệm của mình trong từng giai đoạn tố tụng, mà quan trọng là đưa ra bản luận tội đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Luận tội tại phiên tòa là hình thức tố tụng mà trong đó Tòa án thay mặt nhà nước xác định sự thật của vụ án trên cơ sở điều tra công khai tại phiên Tòa, nghe ý kiến của các bên tham gia tố tụng để ra quyết định phán xét giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật. Trong quá trình xét xử vụ án đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đưa ra bản luận tội đạt hiệu quả. Luận tội có ý nghĩa hết sức quan trọng, là hoạt động mở đầu cho giai đoạn tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm hình sự. Luận tội là sự buộc tội chính thức cuối cùng của Viện Kiểm sát nhân dân đối với bị cáo; là căn cứ để bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tiến hành tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; là căn cứ để Hội đồng xét xử xác định giới hạn xét xử và ra bản án đúng pháp luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn An (2011), *Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự tại phiên tòa theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát số 7, Hà Nội.
2. Lê Thúc Anh (2008), *Một số suy nghĩ về luận tội tại phiên tòa trong cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 1, Hà Nội.
3. Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
4. Nguyễn Hòa Bình (chủ biên) (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Trần Duy Bình (2011), *Thực trạng và một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng luận tội tại phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát số 8, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-TW ngày 02/1/2002 về một số nhiệm vụ trong tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà Nội.
8. Nguyễn Mạnh Hà (2009), *Nâng cao trách nhiệm của Kiểm sát viên trong tranh luận tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự nhằm đáp ứng nhu cầu cải cách tư pháp hiện nay*, Tạp chí Kiểm sát số 10, Hà Nội.
9. Học viện Tư pháp (2014), *Giáo trình kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự*, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Huyền, Lê Lan Chi (chủ biên), (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Khoát (2012), *Hoạt động luận tội trong tố tụng hình sự Việt Nam, luận văn thạc sĩ Luật học*, thành phố Hồ Chí Minh.

12. Võ Thị Hồng Luyến (2011), *Nâng cao trách nhiệm của Kiểm sát viên trong tranh luận tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự nhằm đáp ứng nhu cầu cải cách tư pháp hiện nay*, Tạp chí Kiểm sát số 10, Hà Nội.
13. Nguyễn Đức Mai (2007), *Luận tội tại phiên tòa sơ thẩm hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 17, Hà Nội.
14. Nguyễn Đức Mai (2009), *Đặc điểm của mô hình tranh tụng và phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 23, Hà Nội.
15. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2015), *Số liệu thống kê năm 2015*, Hà Nội.
16. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2016), *Số liệu thống kê năm 2016*, Hà Nội.
17. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2017), *Số liệu thống kê năm 2017*, Hà Nội.
18. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2018), *Số liệu thống kê năm 2018*, Hà Nội.
19. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2019), *Số liệu thống kê năm 2019*, Hà Nội.
20. Quốc hội, (2013), Hiến pháp năm 2013, Hà Nội.
21. Quốc hội, (2015) Bộ luật Hình sự năm 2015, Hà Nội.
22. Quốc hội, (2003), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Hà Nội.
23. Quốc hội, (2015), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hà Nội.
24. Quốc hội, (2014), Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014, Hà Nội.
25. Quốc hội (2016), Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội khóa XIII về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tố

chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016, Hà Nội.

26. Lê Hữu Thể, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên) (2013), Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Trịnh Khắc Triệu (2003), Tài liệu tập huấn Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Hà Nội.
28. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, Hà Nội.
29. Trung tâm từ điển tiếng Việt, Viện ngôn ngữ (1993), Từ điển tiếng Việt, Hà Nội.
30. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2007), Mẫu số 136 ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-Viện Kiểm sát nhân dânTC ngày 17 tháng 9 năm 2007, Hà Nội.
31. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2007), Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-Viện Kiểm sát nhân dânTC ngày 17/9/2007, Hà Nội.
32. Viện Kiểm sát nhân dânTC-BCA (2005), Thông tư liên tịch số 05 ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát nhân dân trong việc thực hiện một số qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Hà Nội.
33. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2015), Báo cáo công tác các năm 2015 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hà Nội.

34. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2016), Báo cáo công tác các năm 2016 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hà Nội.
35. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2017), Báo cáo công tác các năm 207 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hà Nội.
36. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2018), Báo cáo công tác các năm 2018 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hà Nội.
37. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2019), Báo cáo công tác các năm 2019 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hà Nội.
38. Võ Khánh Vinh (2013), Giáo trình Luật học so sánh”, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
39. Võ Khánh Vinh (2013), Lý luận chung về Định tội danh, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 11/2013, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (2004), Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.